

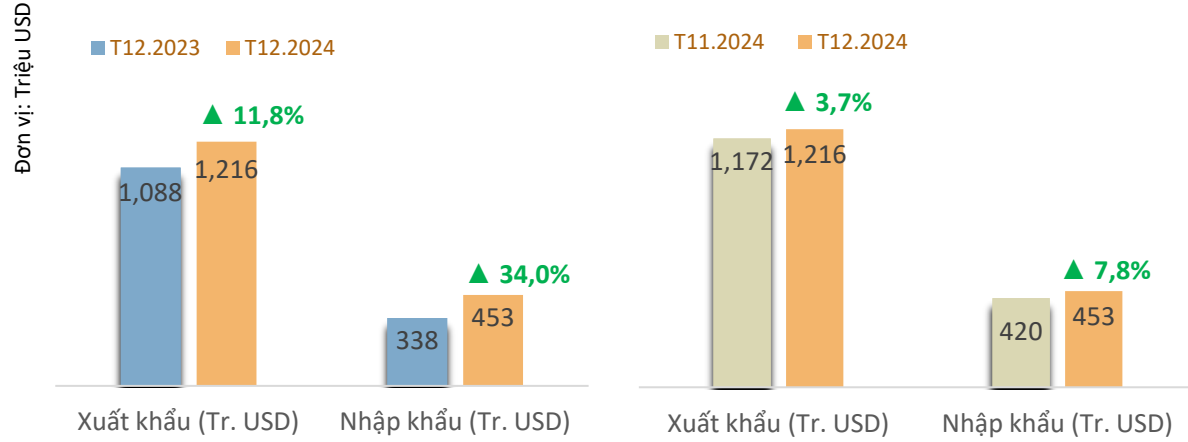
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

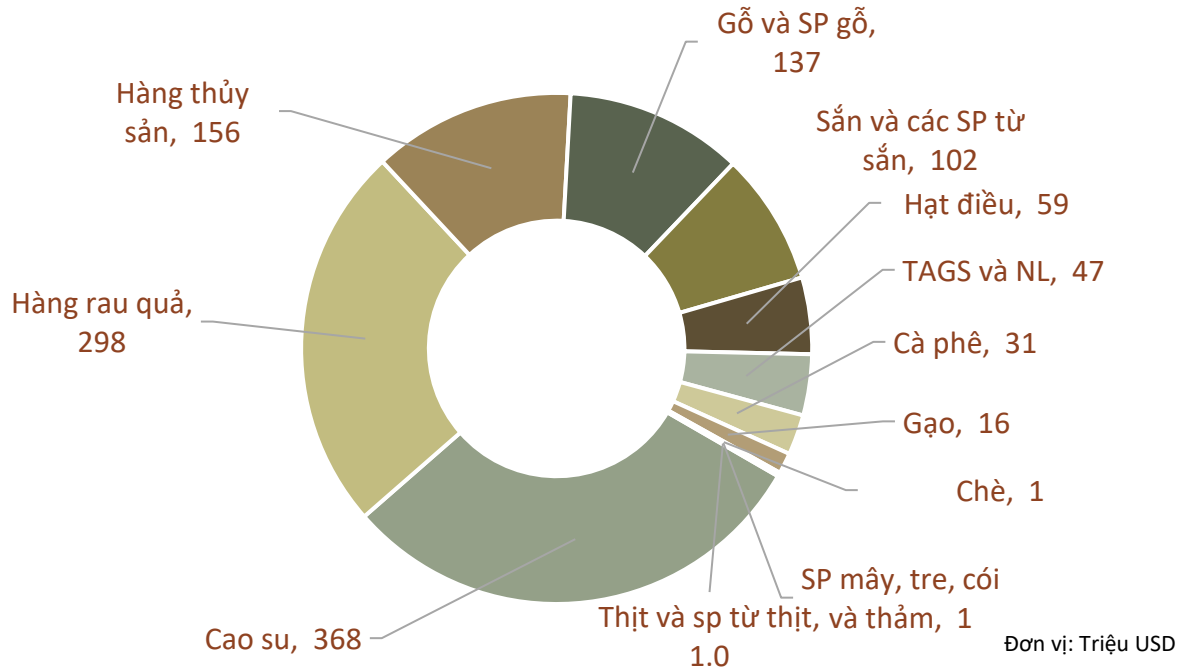


TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 12/2024

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T12/2024

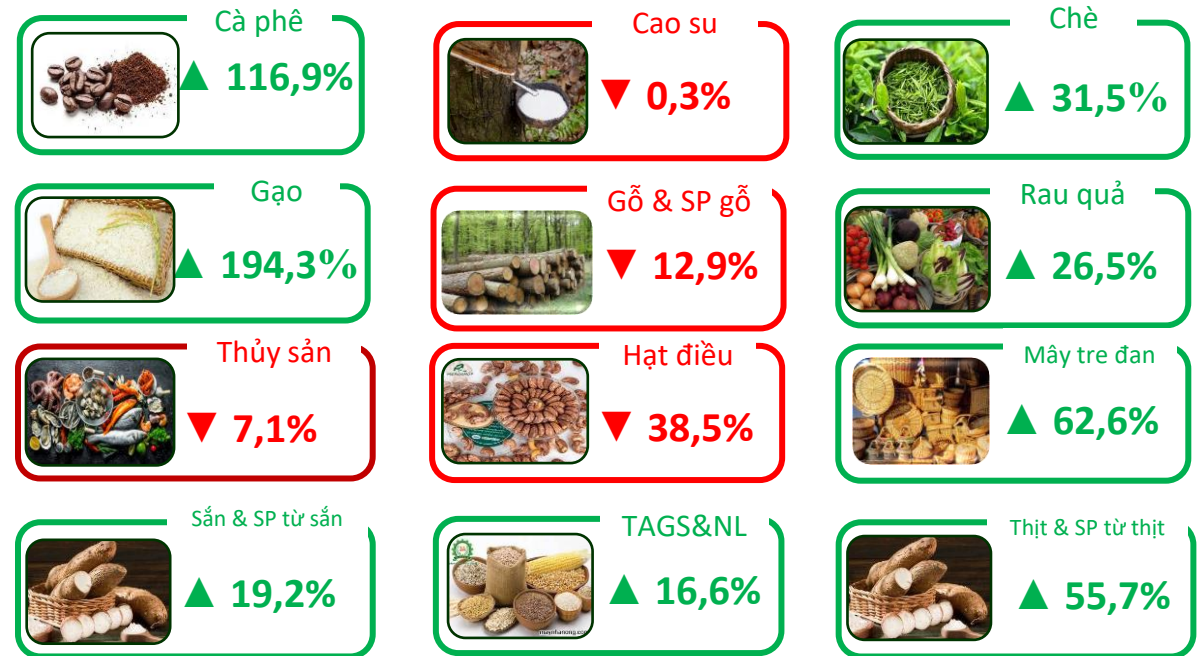


Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T12/2024

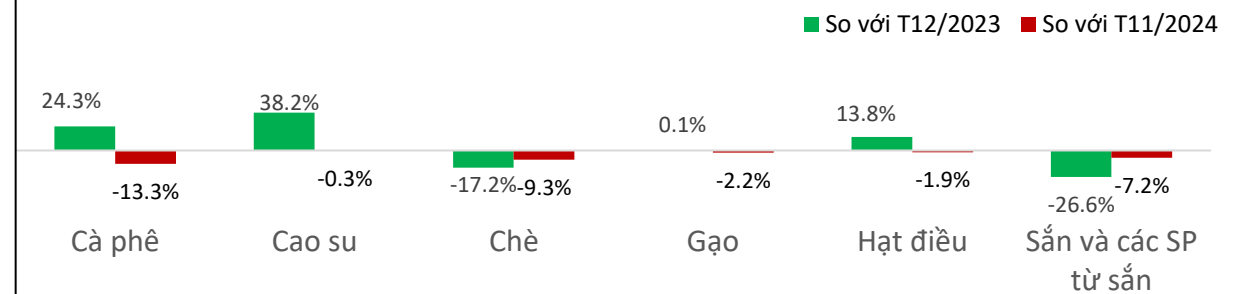


Biến động giá trị XK NLTS chính

sang thị trường Trung Quốc T12/2024 so với T11/2024



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T12/2024 so với T12/2023 và T11/2024



Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 5% năm 2024

Năm 2024, GDP Trung Quốc tăng 5%. Tốc độ này vượt dự báo của giới phân tích là 4,9% và đạt mục tiêu của giới chức Trung Quốc.

Giới phân tích đánh giá kinh tế Trung Quốc năm ngoái ổn định hơn kỳ vọng, nhờ hàng loạt chính sách kích thích kinh tế đưa ra từ tháng 9/2024. Dù vậy, rủi ro cuộc chiến thương mại mới với Mỹ và nhu cầu tiêu dùng trong nước yếu có thể ảnh

hưởng đến khả năng phục hồi trong năm nay.

Xuất khẩu hiện là điểm sáng và trụ cột tăng trưởng của Trung Quốc. Năm ngoái, thặng dư thương mại của nước này đạt kỷ lục hơn 990 tỷ USD.

Hàng loạt số liệu tháng 12 cũng cho thấy kinh tế Trung Quốc đang dần lấy lại đà tăng trưởng. Sản lượng công nghiệp tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước đó. Doanh số bán lẻ tăng 3,7% khi người tiêu dùng mua sắm chuẩn bị cho kỳ nghỉ Tết Nguyên



Nguồn: Vnexpress.net

Sự phụ thuộc của Trung Quốc vào thị trường Mỹ

Trung Quốc đã đưa ra một loạt hành động đáp trả khi thông qua sắc lệnh áp thuế bổ sung 10% với hàng hóa Trung Quốc của Tổng thống Mỹ Donald Trump có hiệu lực vào ngày 4/2/2025. Cụ thể, Trung Quốc tuyên bố áp thuế quan lên một số hàng hóa Mỹ, siết xuất khẩu khoáng chất quan trọng, đàm đơn kiện Mỹ lên Tổ chức Thương Mại thế giới (WTO) và mở cuộc điều tra nhằm vào một số công ty công nghệ lớn của Mỹ.

Trong nhiều thập kỷ qua, Mỹ là thị trường xuất khẩu chủ đạo

của Trung Quốc. Năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc đạt 3,5 nghìn tỷ USD, trong đó riêng thị trường Mỹ chiếm 502 tỷ USD, tương đương 14,8%. Tỷ trọng này cao hơn đáng kể so với thị trường xuất khẩu lớn thứ hai – Hồng Kông (8,2%).

Kim ngạch xuất khẩu nông sản, thực phẩm và đồ uống của Trung Quốc sang Mỹ đạt 10 tỷ USD, chiếm 10% thị phần xuất khẩu của Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu gỗ, sản phẩm gỗ và giấy đạt 9 tỷ USD, chiếm 17%.

Nguồn: KINHTETRUNGUONG.VN

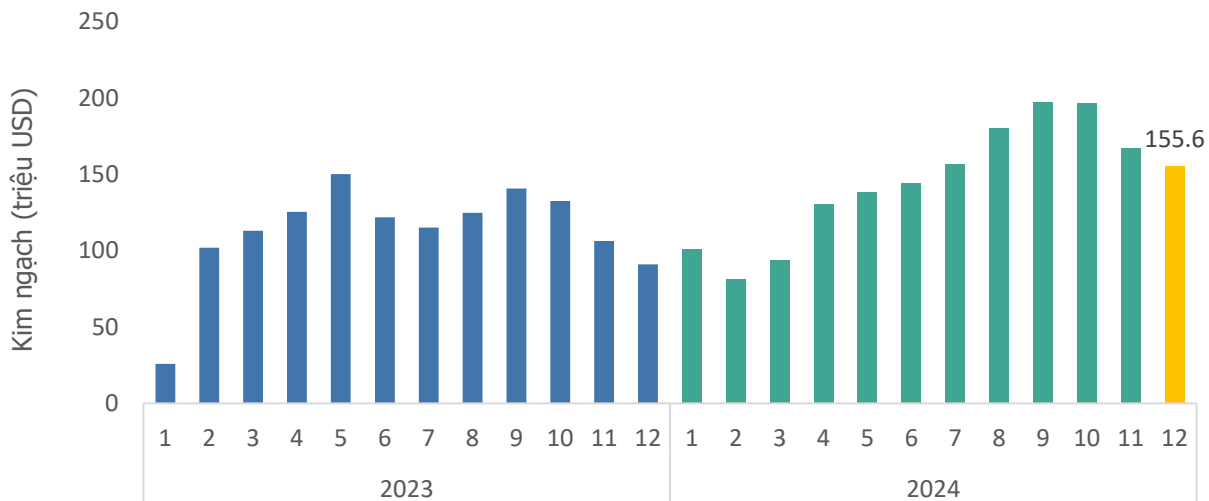


Tin liên quan



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH

155,6 triệu USD



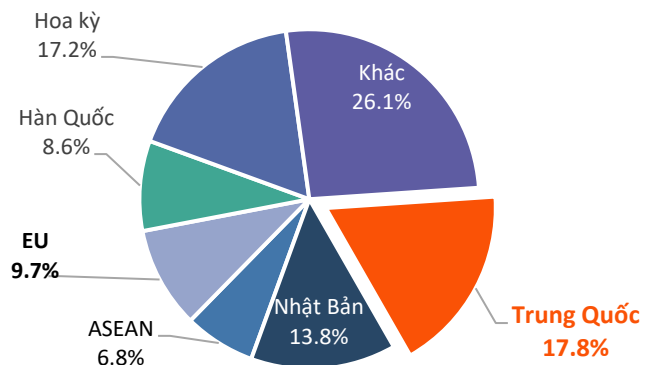
↘ Giảm **7,1%** so với T11/2024

↗ Tăng **70,8%** so với T12/2023

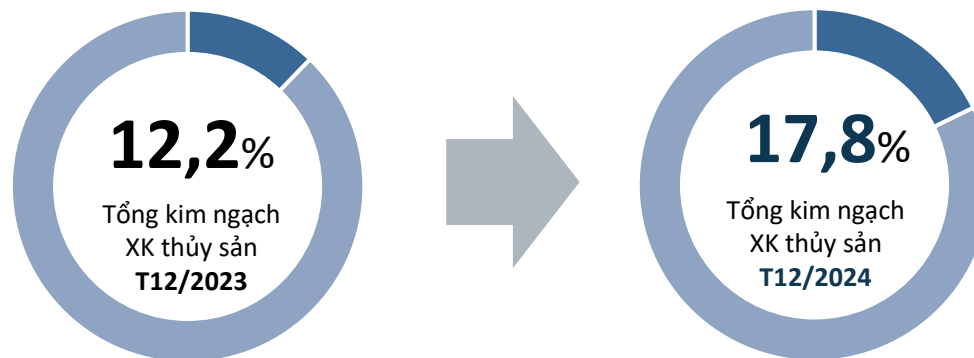
▲ Cao hơn **43,1** triệu USD so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế cả năm 2024 đạt **1742,3** triệu USD, Đạt **129,6%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



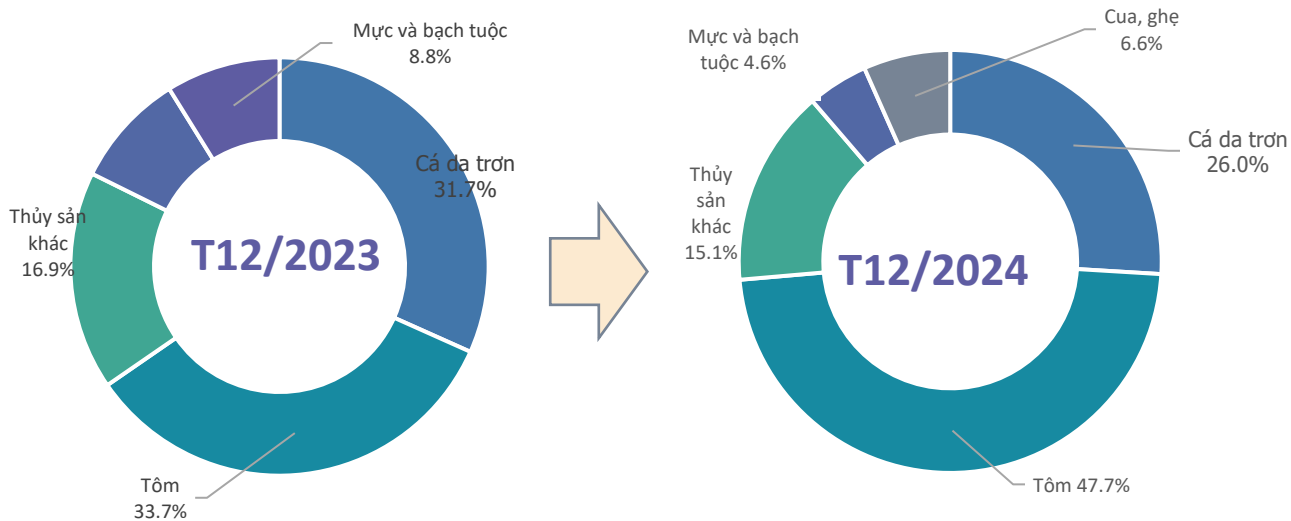
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T12/2024





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Cá da trơn

Kim ngạch: **40,4** Triệu USD
 Tăng **11,4%** so với T11/2024
 Tăng **39,9%** so với T12/2023



Tôm

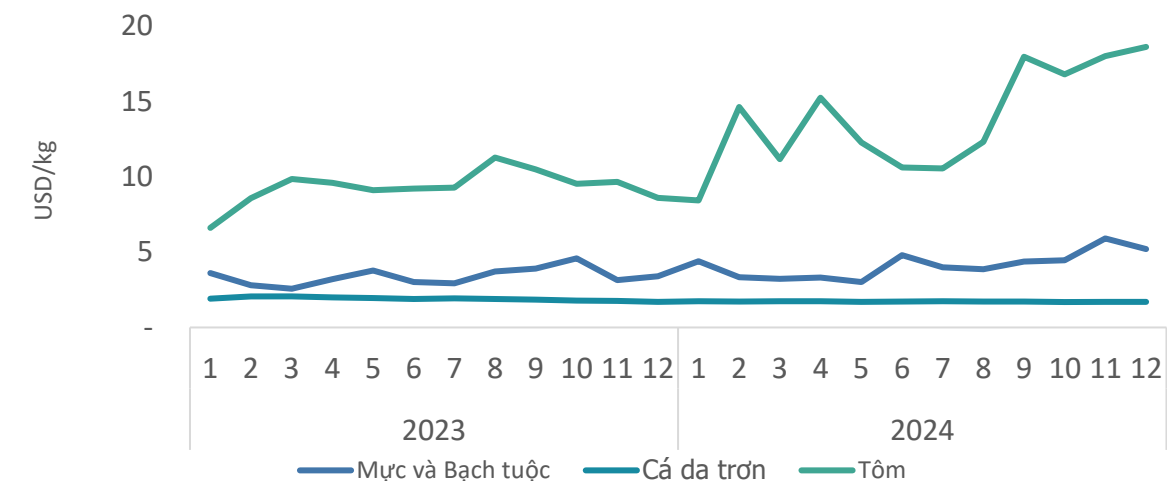
Kim ngạch: **74,1** Triệu USD
 Giảm **6,5%** so với T11/2024
 Tăng **141,5%** so với T12/2023



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **7,2** Triệu USD
 Giảm **14,0%** so với T11/2024
 Giảm **10,2%** so với T12/2023

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **5,2** USD/kg; **giảm 11,4%** so với tháng trước; và **tăng 55,9%** so với cùng kỳ năm 2023.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **1,7** USD/kg; **tăng 1,9%** so với tháng trước; và **tăng 0,7%** so với cùng kỳ năm 2023.

Tôm

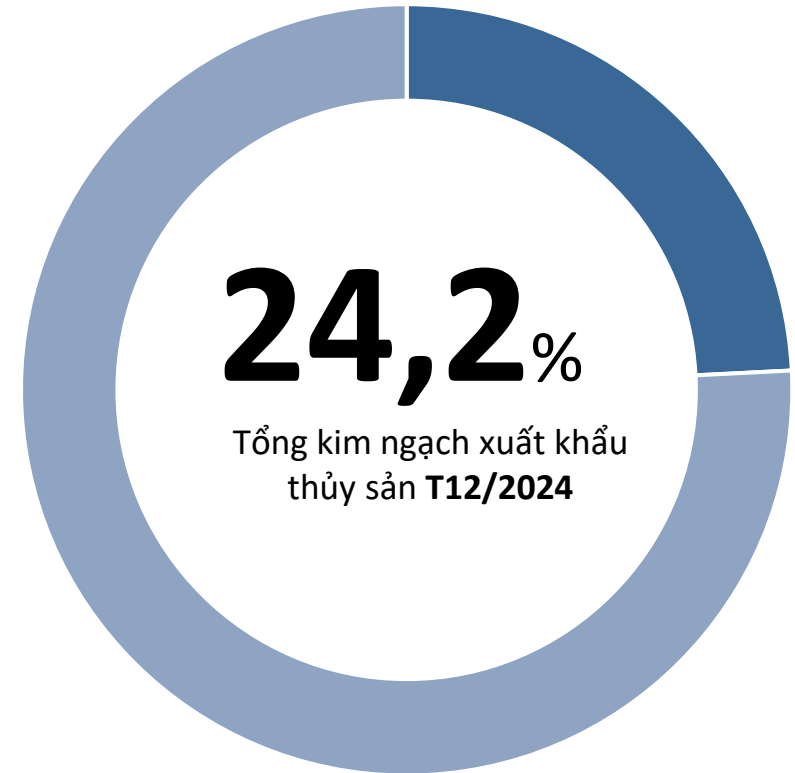
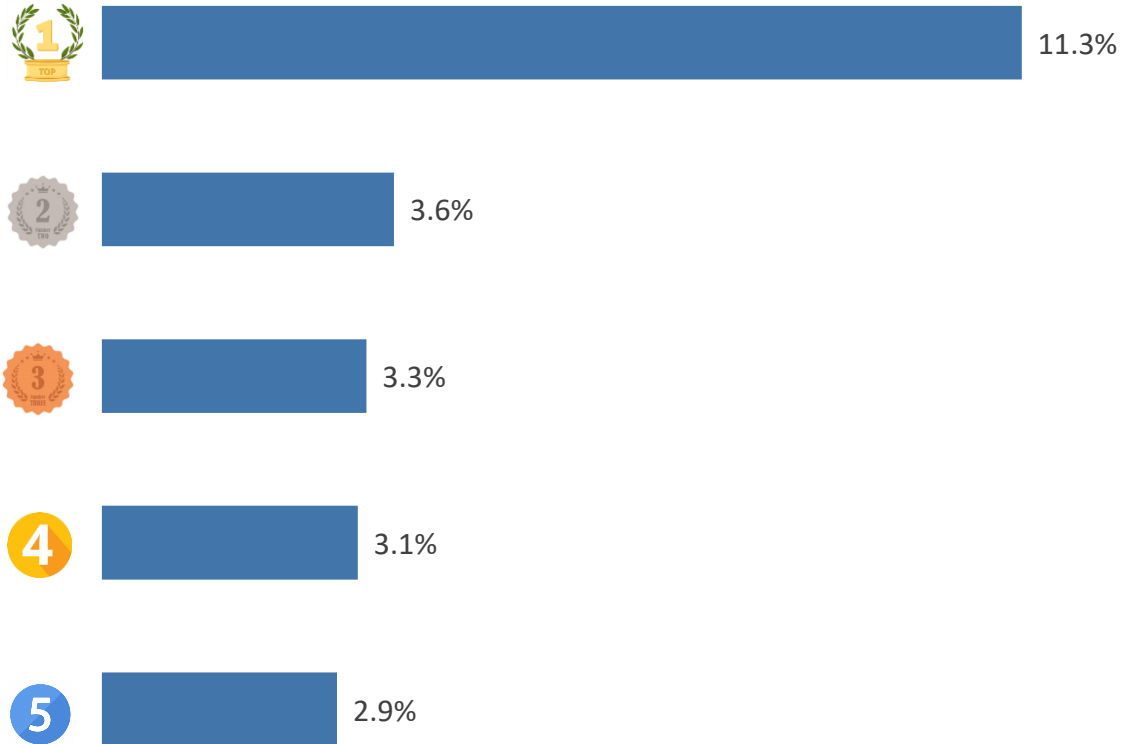
Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **18,6** USD/kg; **tăng 3,4%** so với tháng trước; và **tăng 117,4%** so với cùng kỳ năm 2023. (giá TB cao do tôm hùm chiếm tỉ lệ lớn)



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T12/2024

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Nhập khẩu tôm của Trung Quốc giảm

Theo Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của nước này trong tháng 11/2024 đạt 73.705 tấn, trị giá 394 triệu USD, giảm 7% về lượng và 6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 11 tháng đầu năm, Trung Quốc nhập 825.616 tấn tôm, giảm 10%, với giá trị giảm 19% xuống còn 4,05 tỷ USD.

Trong tháng 11, Ecuador – nguồn cung tôm lớn nhất – xuất khẩu 50.049 tấn trong tháng, giảm 8% so với cùng kỳ, nguồn cung lớn thứ hai là Ấn Độ giảm tới 19%. Ngược lại một số nước khác như Peru có mức tăng trưởng ấn tượng, xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 1.540 tấn, tăng hơn 11 lần. Việt Nam cũng ghi nhận mức tăng mạnh, với khối lượng xuất khẩu hơn gấp đôi, đạt 1.053 tấn.

Tính đến tháng 11/2024, nhập khẩu từ Ecuador giảm 6%, từ Ấn Độ giảm 4%. Trong nhóm cung cấp chính, Argentina và Indonesia có mức giảm mạnh nhất, lần lượt 41% và 45%, trong khi Venezuela là thị trường duy nhất tăng trưởng (+27%).

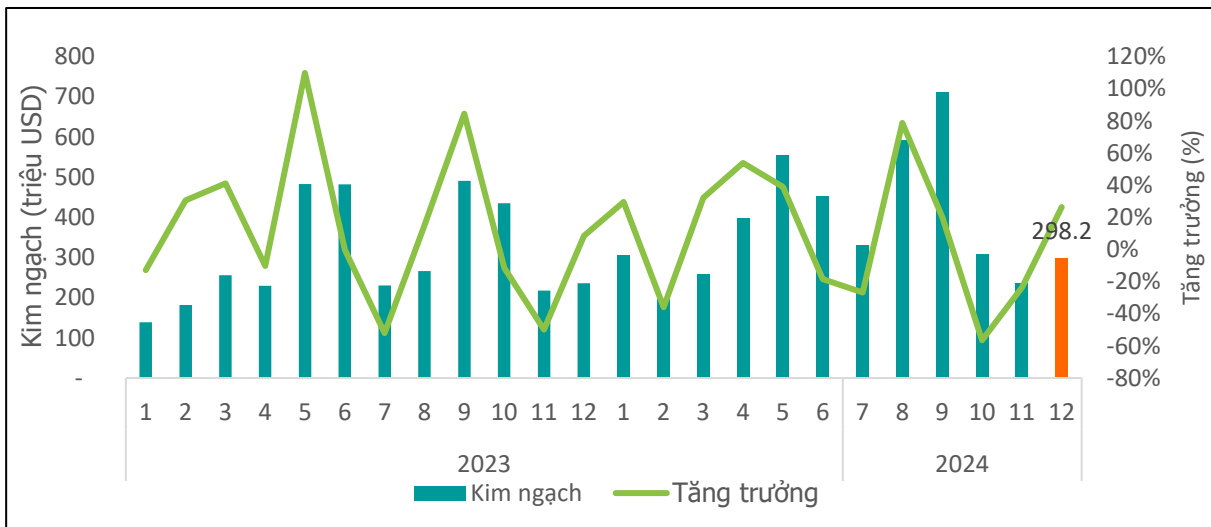
Nguồn: Vasep (T1/2025)





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH



298,2

triệu USD

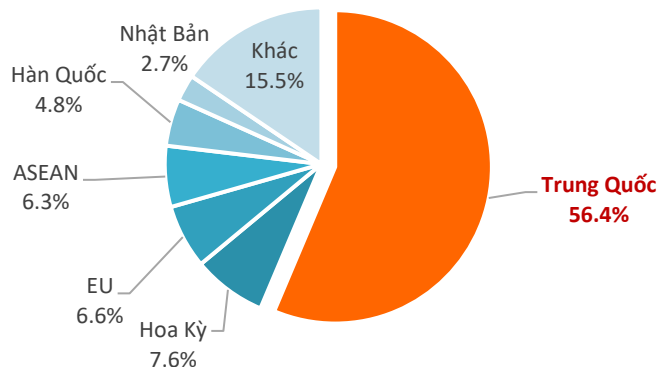
Tăng **26,5%** so với T11/2024

Tăng **26,2%** so với T12/2023

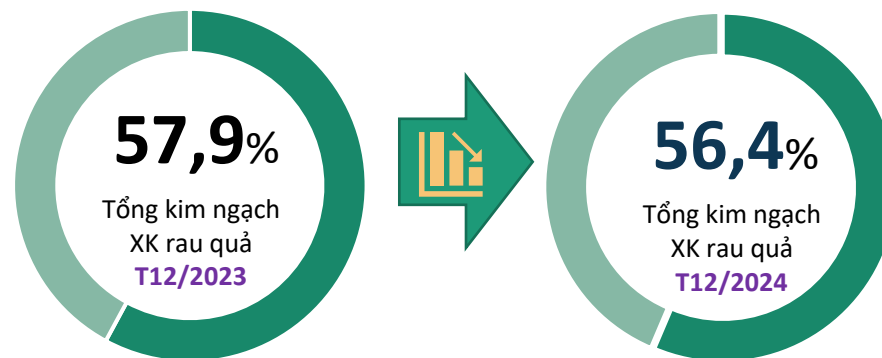
Thấp hơn **5,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế năm 2024 đạt **4,63** tỷ USD, đạt **127,3%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T12/2024



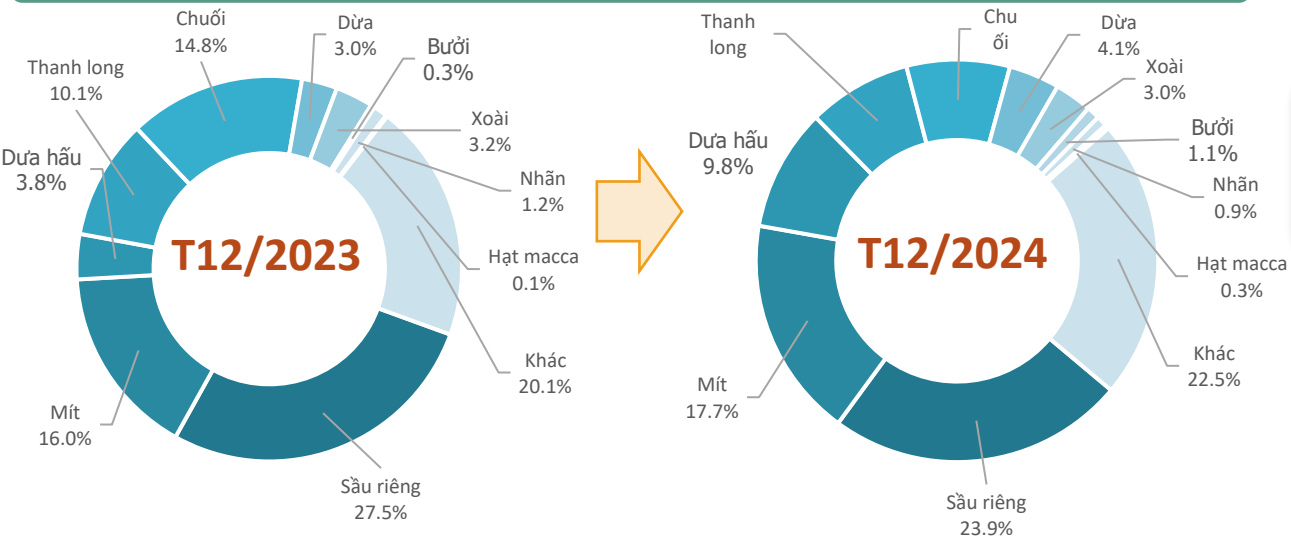
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T12/2024





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T12/2024



Sầu riêng

Kim ngạch: **71,4** triệu USD
Giảm **1,1%** so với T11/2024
Tăng **9,8%** so với T12/2023



Mít

Kim ngạch: **52,9** triệu USD
Tăng **45,1%** so với T11/2024
Tăng **39,8%** so với T12/2023



Dưa hấu

Kim ngạch: **29,3** triệu USD
Gấp **518,7** lần so với T11/2024
Tăng **27,3%** so với T12/2023



Thanh long

Kim ngạch: **24,8** triệu USD
Tăng **13,1%** so với T11/2024
Tăng **4,4%** so với T12/2023



Chuối

Kim ngạch: **24,8** triệu USD
Tăng **21,4%** so với T11/2024
Giảm **29,1%** so với T12/2023



Dừa

Kim ngạch: **12,2** triệu USD
Tăng **22,8%** so với T11/2024
Giảm **73,7%** so với T12/2023



Xoài

Kim ngạch: **8,9** triệu USD
Giảm **25,9%** so với T11/2024
Tăng **19,3%** so với T12/2023



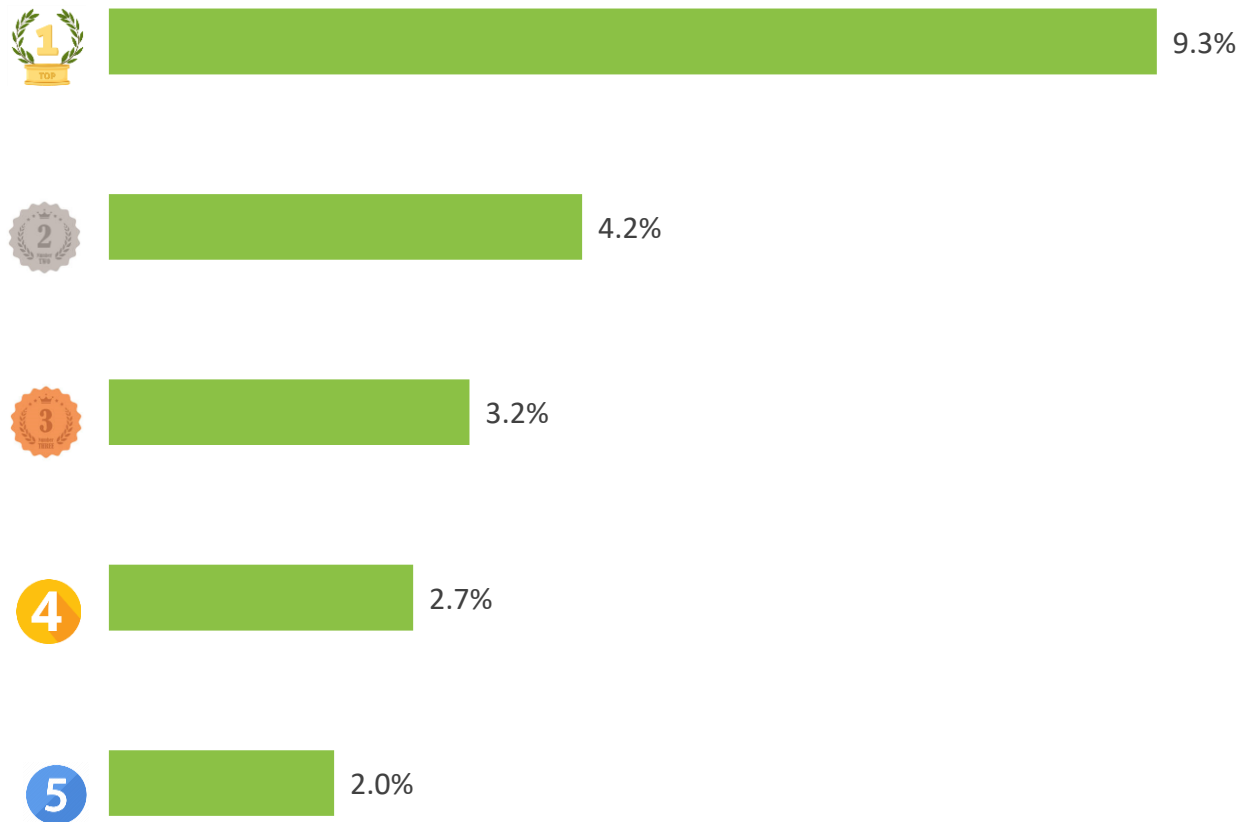
Bưởi

Kim ngạch: **3,1** triệu USD
Tăng **128,4%** so với T11/2024
Tăng **305,4%** so với T12/2023

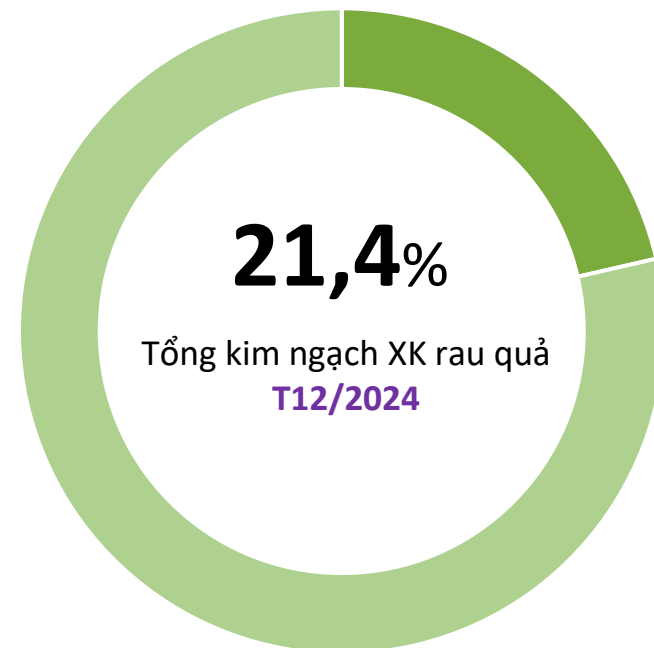


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang Trung Quốc, T12/2024



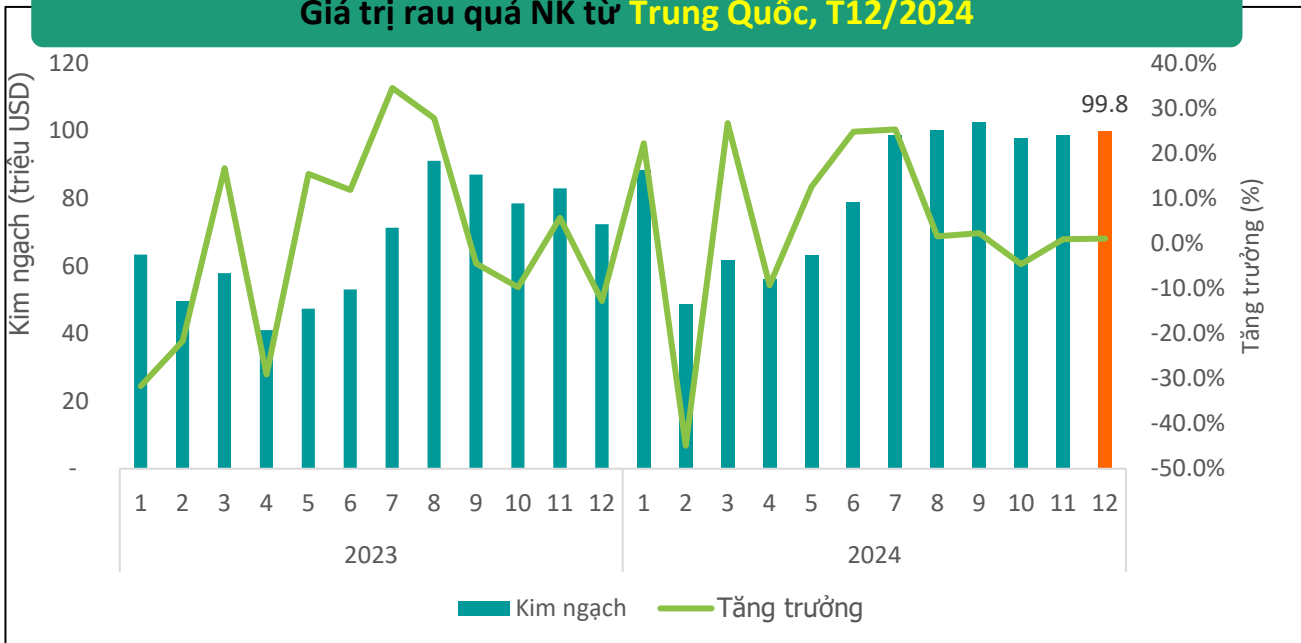
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang Trung Quốc, T12/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T12/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH



99,8

triệu USD

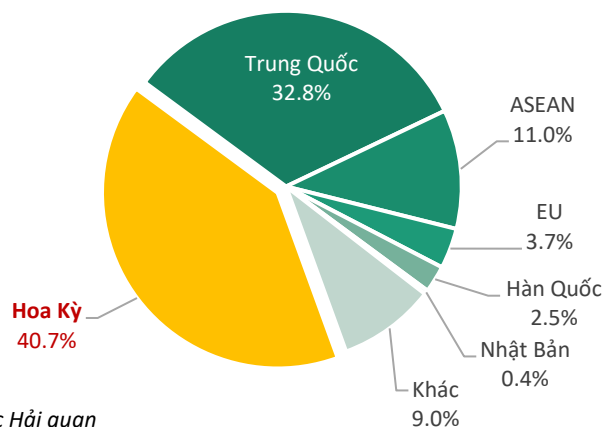
Tăng **1,1%** so với T11/2024

Tăng **38,0%** so với T12/2023

Cao hơn **33,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế năm 2024 đạt **993,7** triệu USD, đạt **125,0%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T12/2024



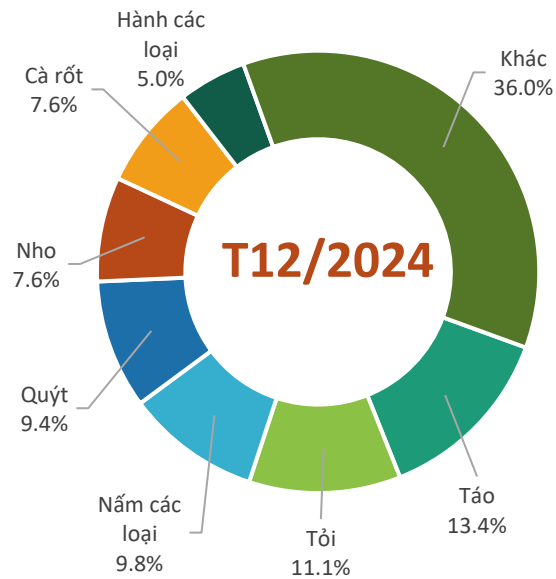
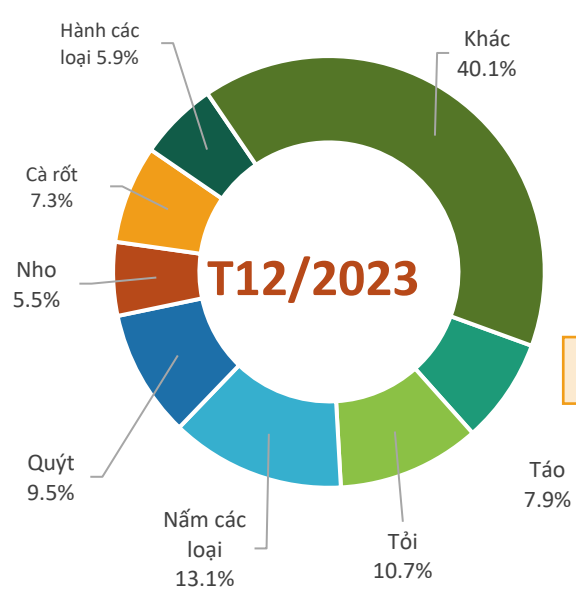
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T12/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T12/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T12/2024



Táo

Kim ngạch: **13,4** triệu USD
 Tăng **35,4%** so với T11/2024
 Tăng **135,5%** so với T12/2023



Tỏi

Kim ngạch: **11,1** triệu USD
 Giảm **9,6%** so với T11/2024
 Tăng **43,1%** so với T12/2023



Nấm các loại

Kim ngạch: **9,8** triệu USD
 Giảm **0,6%** so với T11/2024
 Tăng **3,6%** so với T12/2023



Quýt

Kim ngạch: **9,4** triệu USD
 Tăng **62,0%** so với T11/2024
 Tăng **36,6%** so với T12/2023



Nho

Kim ngạch: **7,6** triệu USD
 Giảm **8,5%** so với T11/2024
 Tăng **91,8%** so với T12/2023



Cà rốt

Kim ngạch: **7,6** triệu USD
 Tăng **9,7%** so với T11/2024
 Tăng **42,3%** so với T12/2023



Hành các loại

Kim ngạch: **5,0** triệu USD
 Tăng **22,4%** so với T11/2024
 Tăng **16,3%** so với T12/2023



Trung Quốc xây dựng nhà máy chế biến sầu riêng đầu tiên tại Tam Á, Hải Nam

Trung Quốc đã xây dựng nhà máy chế biến sầu riêng đầu tiên tại Tam Á, Hải Nam. Nhà máy dự kiến bắt đầu hoạt động vào tháng 6/2025. Nhà máy này sẽ sản xuất các sản phẩm như bánh trung thu sầu riêng, kem sầu riêng và các món ăn khác từ sầu riêng, với mục tiêu cung cấp đa dạng sản phẩm từ sầu riêng trong nước. Nhà máy được chia thành 4 khu vực bao gồm: khu phân loại sầu riêng tươi, khu sản xuất và chế biến các sản phẩm sầu riêng, khu chế biến các loại trái cây sấy khô và khu kho lạnh lớn.

Nguồn: Guojiguoshu.com

Trung Quốc nhập khẩu 1,56 triệu tấn sầu riêng trong năm 2024

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Trung Quốc đã nhập khẩu 1,56 triệu tấn sầu riêng, trị giá 7 tỷ USD trong năm 2024, tăng 9,4% về lượng và 3,9% về giá trị so với năm 2023. Thái Lan là thị trường cung cấp lớn nhất cho Trung Quốc với 809.740 tấn, giá trị đạt 4 tỷ USD, giảm 12,8% về lượng và giảm 12,1% về giá trị so với năm 2023. Việt Nam đứng thứ 2 với 736.715 tấn, trị giá 2,95 tỷ USD, tăng 49,4% về lượng và tăng 37,6% về giá trị.

Nguồn: Vietnambiz.vn



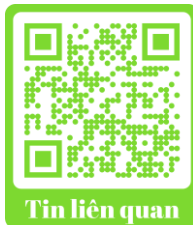
Tin liên quan



Việt Nam gia tăng lợi thế xuất khẩu trái cây, rau quả sang thị trường Trung Quốc

Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit), năm 2025, Việt Nam đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu trái cây và rau quả đạt 8 tỷ USD, trong đó Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất. Việc Thái Lan gặp khó do thời tiết bất lợi đã giúp Trung Quốc gia tăng nhập khẩu nông sản từ Việt Nam, đặc biệt là sầu riêng. Bên cạnh đó, các mặt hàng như chuối, thanh long, dưa hấu, xoài và vải của Việt Nam cũng vượt qua Thái Lan để trở thành nhóm sản phẩm dẫn đầu tại thị trường này.

Nguồn: Vov.vn.

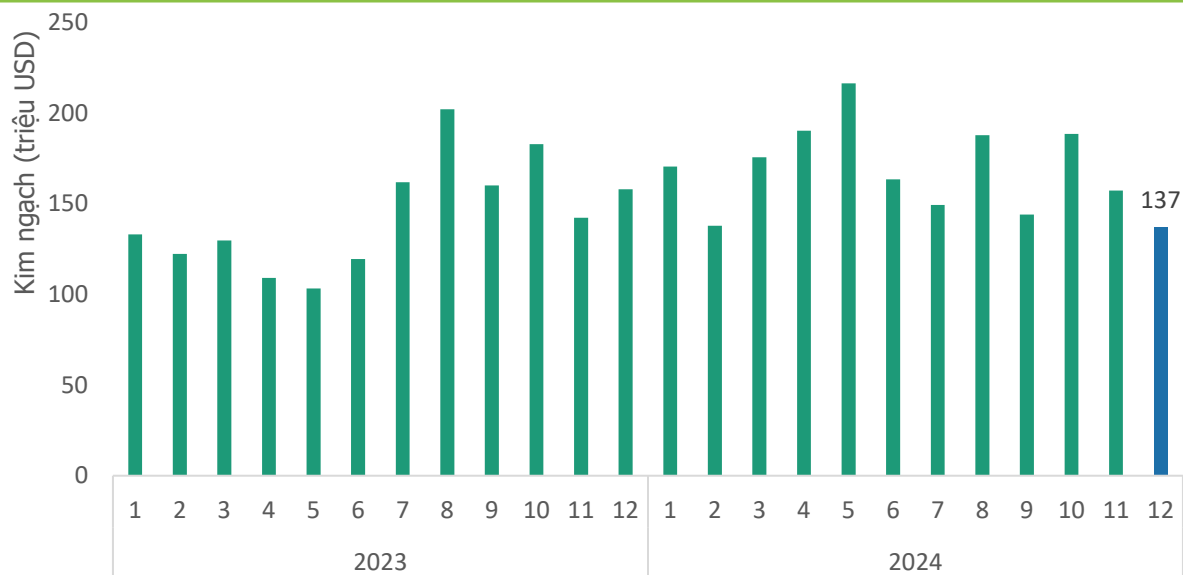


Tin liên quan



GỠ VÀ SP GỠ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH



137

triệu USD

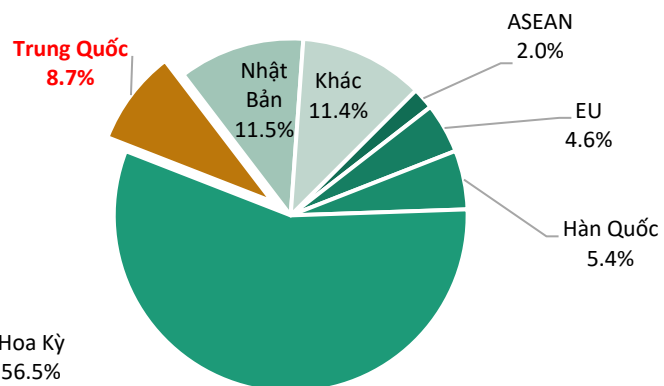
↘ Giảm **12,9%** so với T11/2024

↘ Giảm **13,2%** so với T12/2023

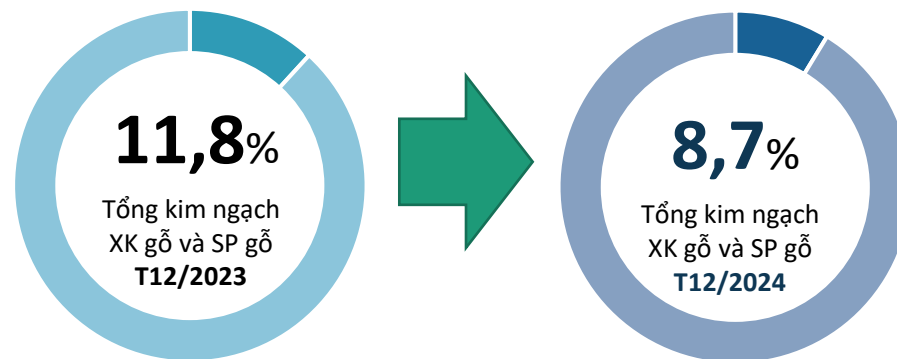
↓ Thấp hơn **6,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế năm 2024 đạt **2,0** tỷ USD, đạt **117,1%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



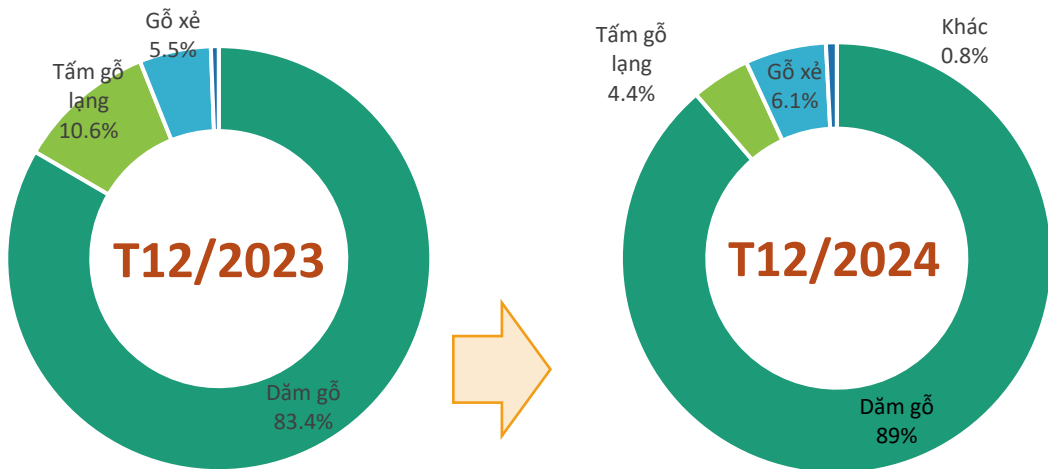
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T12/2024





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Dăm gỗ

Kim ngạch: **118,0** triệu USD
Giảm **13%** so với T11/2024
Giảm **8%** so với T12/2023



Gỗ xẻ

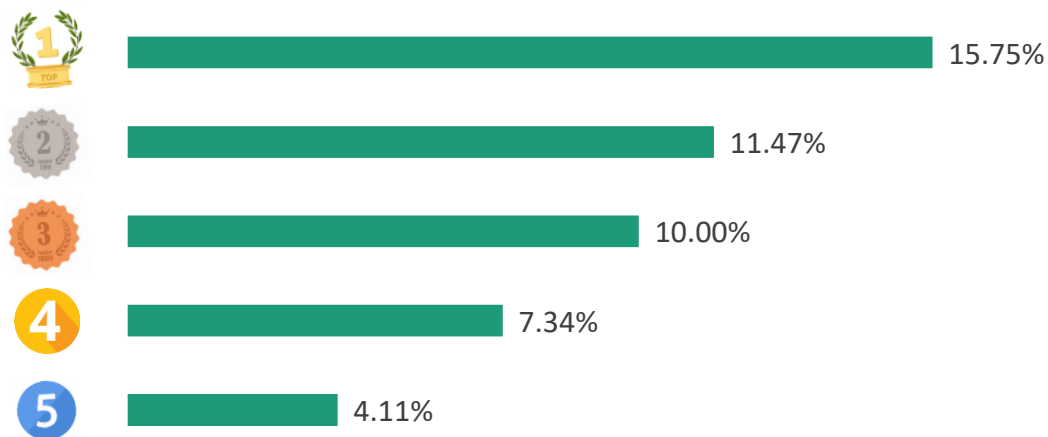
Kim ngạch: **8,1** triệu USD
Tăng **8%** so với T11/2024
Giảm **3%** so với T12/2023



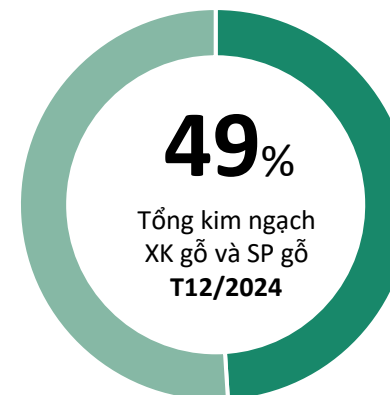
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **5,9** triệu USD
Giảm **27%** so với T11/2024
Giảm **64%** so với T12/2023

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T12/2024





GỖ VÀ SP GỖ



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Nhập khẩu sản phẩm gỗ của Trung Quốc từ Indonesia đã giảm kể từ đầu năm 2024. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tổng lượng gỗ nhập khẩu từ Indonesia trong 10 tháng đầu năm 2024 chỉ đạt 63.600 m³, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2023. Giá trị nhập khẩu gỗ từ Indonesia đạt 36,09 triệu USD, giảm 34% so với cùng kỳ năm 2023. Giá gỗ nhập khẩu trung bình ở mức 567 USD/m³, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2023.

Gỗ xẻ Merbau là một trong những mặt hàng chính được nhập khẩu từ Indonesia. Dù giá trung bình trong 10 tháng đầu năm giảm 6%, nhưng điều này không giúp thúc đẩy nhập khẩu. Ngược lại, nhập khẩu gỗ Merbau từ Indonesia giảm 36%, chỉ còn 26.900 m³.



Tin liên quan



GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Hội thảo "Phát triển chuỗi cung ứng bền vững cho gỗ và các sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc" vừa được Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST) và Hiệp hội Công nghiệp Lâm sản Quốc gia Trung Quốc (CNFPIA) tổ chức. Tại hội thảo, hai bên thống nhất cần hợp tác để thúc đẩy chuyển đổi xanh trong ngành chế biến gỗ. Đây sẽ là cơ sở để xây dựng chuỗi cung ứng gỗ bền vững, tạo sức cạnh tranh lớn trên thị trường toàn cầu. Cụ thể, hai quốc gia cần hợp tác nâng cao tiêu chuẩn môi trường về phát thải trong ngành sản xuất ván gỗ, khuyến khích phát triển và ứng dụng keo dán thân thiện với môi trường, tăng tỷ lệ sản phẩm gỗ ít hoặc không chứa formaldehyde.

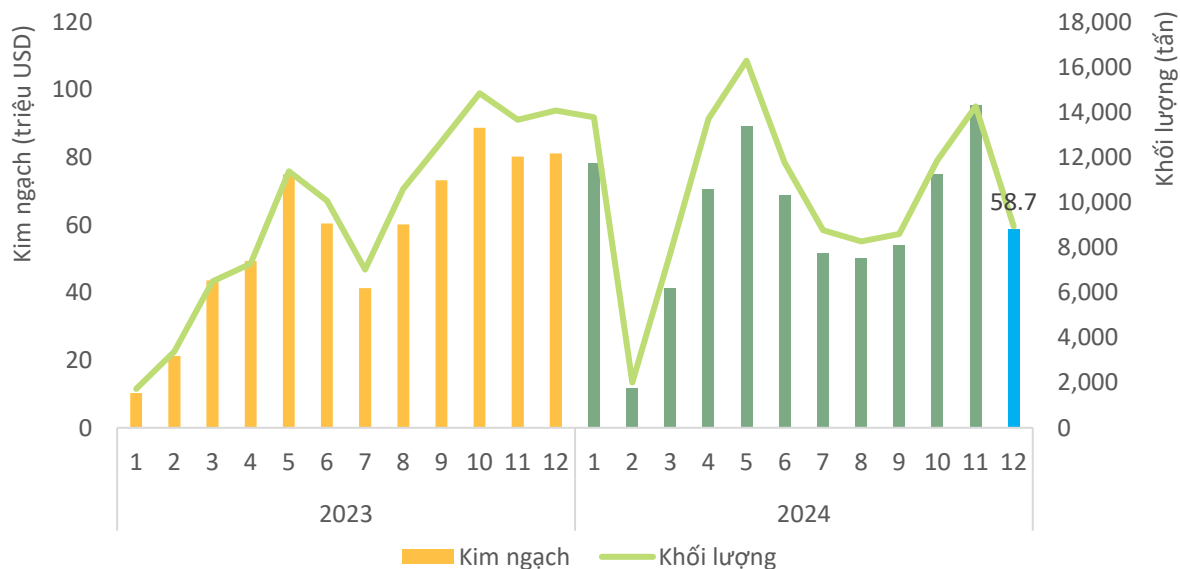
Trung Quốc là thị trường tiêu thụ chính của dăm gỗ Việt Nam, đồng thời cung cấp lượng lớn ván gỗ cho Việt Nam. Do đó, các doanh nghiệp và hiệp hội ngành gỗ của hai nước cần tăng cường hợp tác trên cơ sở lợi ích chung.

Trung Quốc hiện là nhà cung cấp gỗ lớn nhất cho Việt Nam và cũng là nhà đầu tư quan trọng trong ngành chế biến gỗ. Từ năm 2015 đến 2023, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam từ Trung Quốc đã tăng từ 258 triệu USD lên 760 triệu USD, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 22%. Trong 11 tháng đầu năm 2024, giá trị nhập khẩu đạt 983 triệu USD, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2023.



ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH

58,7 triệu USD

↘ Giảm **38,5%** so với T11/2024

↘ Giảm **27,7%** so với T12/2023

↑ Cao hơn **1,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Năm 2024 đạt **745 tr.USD**, đạt **109%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

8.939 tấn

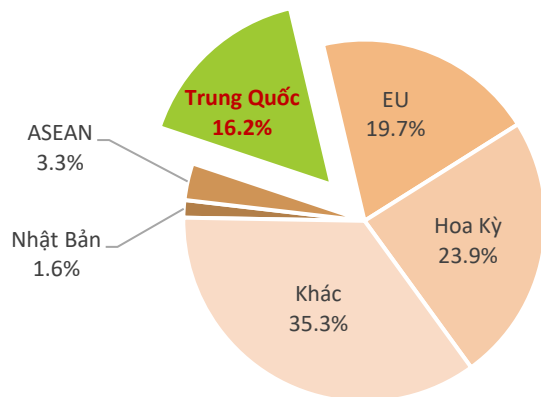
↘ Giảm **37,4%** so với T11/2024

↘ Giảm **36,5%** so với T12/2023

↓ Thấp hơn **0,5 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Năm 2024 đạt **126 nghìn tấn**, đạt **111%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



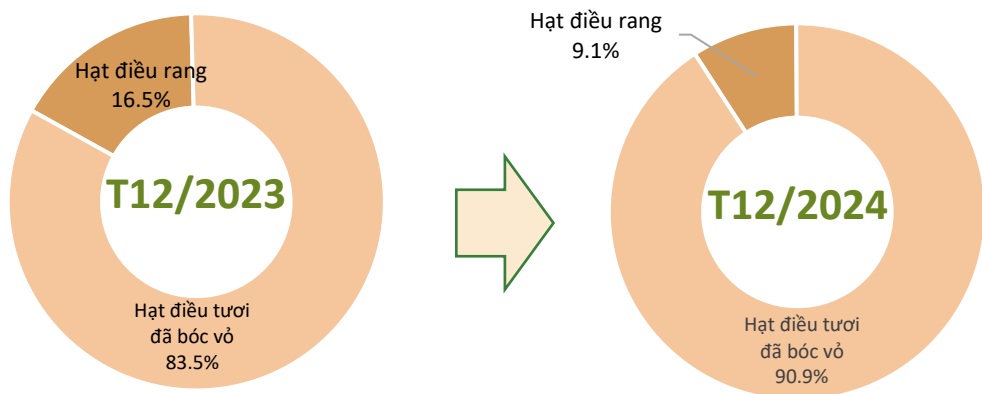
Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



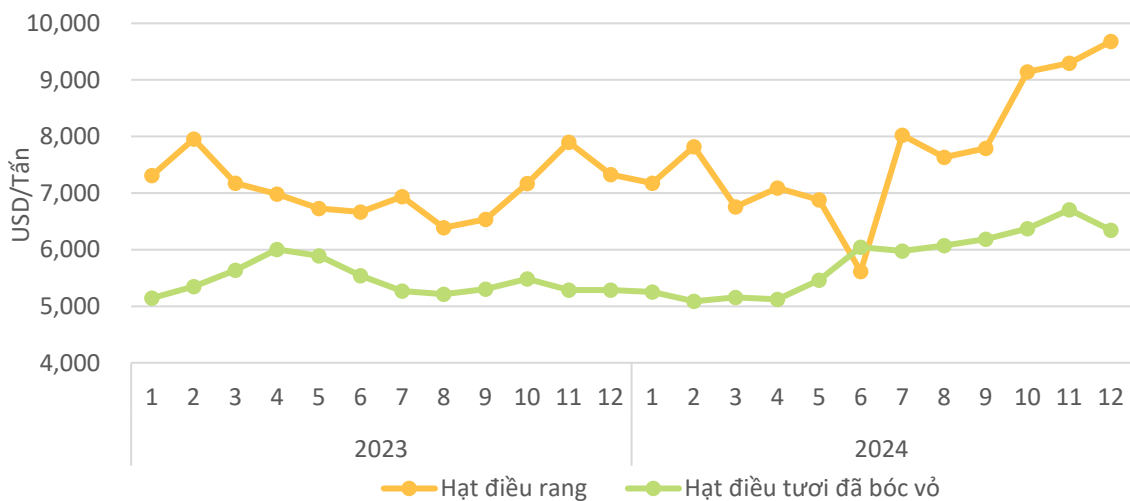


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **53,4** triệu USD

Giảm **37%** so với T11/2024

Giảm **22%** so với T12/2023



Điều rang

Kim ngạch: **5,3** triệu USD

Giảm **50%** so với T11/2024

Giảm **61%** so với T12/2023

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **6.344** USD/tấn; **giảm 5,4%** so với tháng trước; và **tăng 20%** so với cùng kỳ năm 2023.

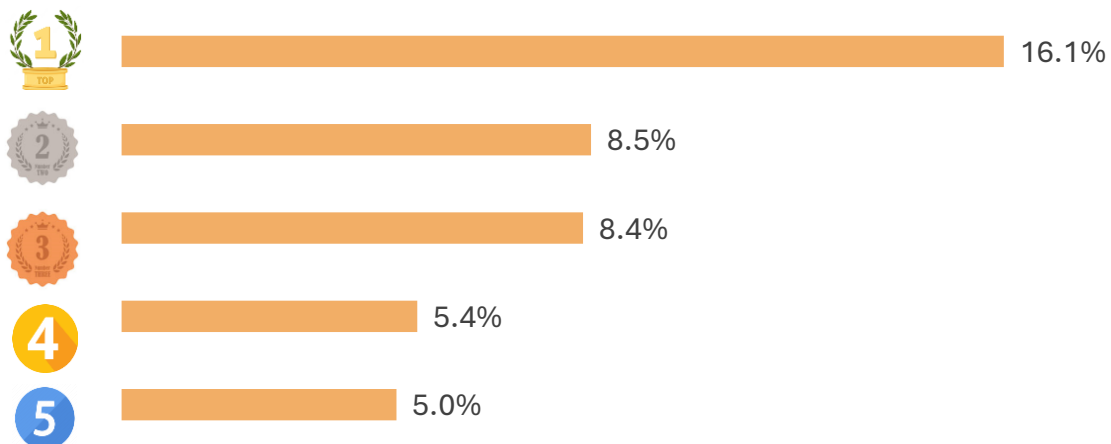
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **9.680** USD/tấn; **tăng 4,1%** so với tháng trước; và **tăng 32%** so với cùng kỳ năm 2023.

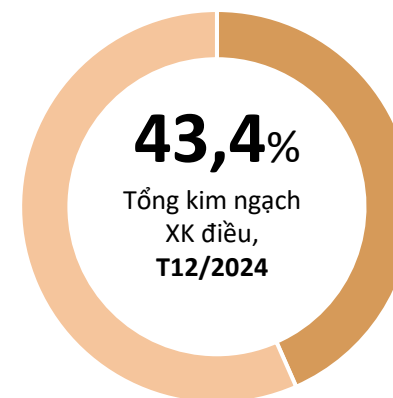


ĐIỀU

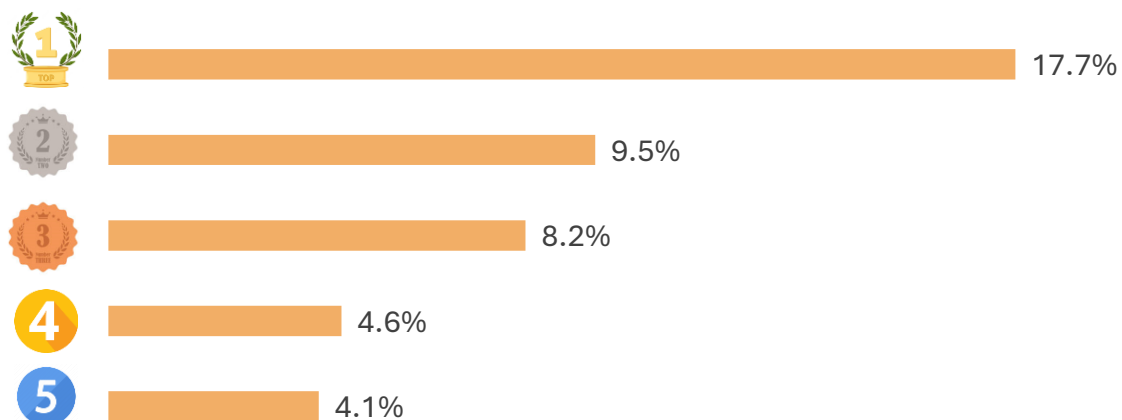
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



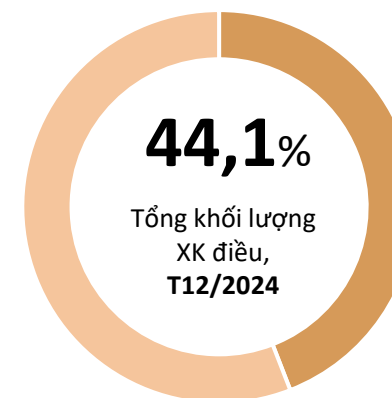
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024





Một phái đoàn đầu tư Trung Quốc gần đây đã thăm tỉnh Kampong Thom (Campuchia) để đánh giá tiềm năng sản xuất hạt điều và tìm kiếm cơ hội hợp tác thương mại với Campuchia. Chuyến thăm do Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Campuchia tổ chức, diễn ra từ ngày 08-10/01/2025. Phái đoàn đã khảo sát các nhà máy chế biến hạt điều, người trồng điều, người thu mua và Hiệp hội Hạt điều Campuchia (CAC). Mục tiêu chính là đánh giá khả năng hợp tác xuất khẩu hạt điều chế biến sang Trung Quốc và đầu tư vào ngành chế biến điều. Phía Trung Quốc dự kiến trở lại Campuchia vào tháng 4 năm nay để tiếp tục đàm phán.

Ngoài ra, đại diện CAC cũng đang tích cực thúc đẩy các cuộc đàm phán với phái đoàn Trung Quốc khác từ tỉnh Hồ Bắc, phái đoàn này đã trở lại Campuchia trong chuyến thăm thứ hai vào giữa tháng 10 năm ngoái.

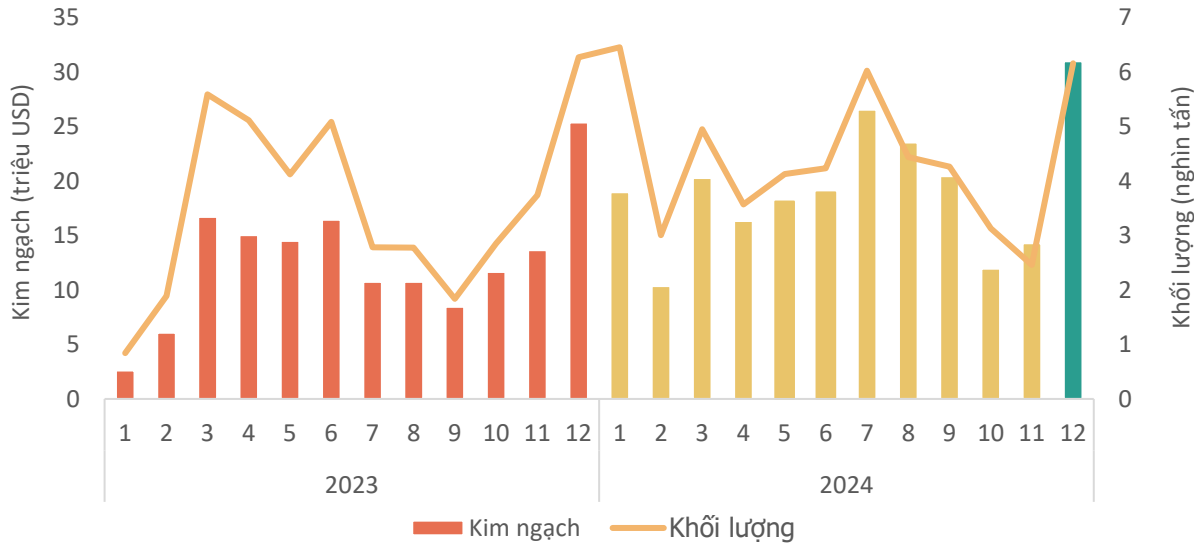
Nguồn: Tờ Khmer Times (Campuchia)





CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu cà phê VN sang Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH

31 triệu USD

↗ Tăng **116%** so với T11/2024

↗ Tăng **22,2%** so với T12/2023

↗ Cao hơn **18,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023.

❖ Giá trị xuất khẩu năm 2024 đạt **230,6** tr.USD, đạt **151%** kim ngạch 2023.

KHỐI LƯỢNG

6,2 nghìn tấn

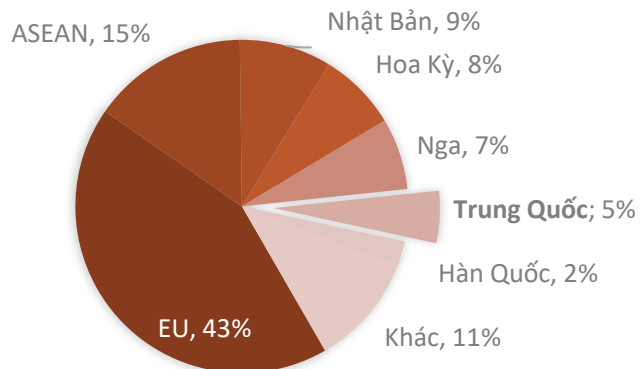
↗ Tăng **150%** so với T11/2024

↘ Giảm **1,7%** so với T12/2023

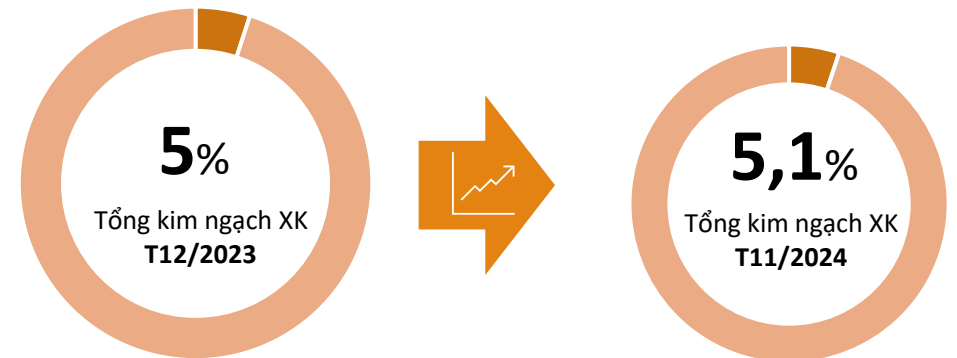
↗ Cao hơn **2,6 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023.

♦ Khối lượng xuất khẩu năm 2024 đạt **52,8** nghìn tấn, đạt **123%** lượng năm 2023.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang Trung Quốc, T12/2024



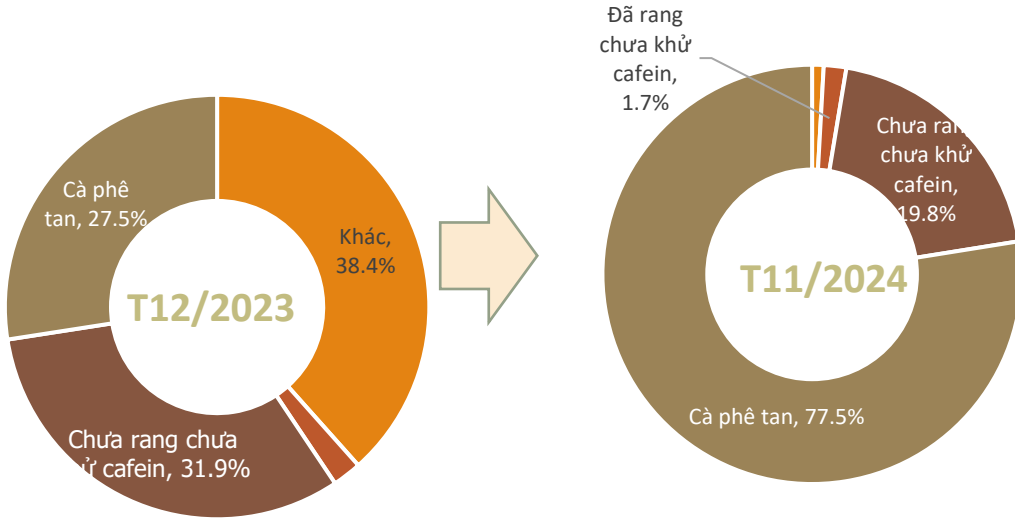
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê VN sang Trung Quốc, T12/2024





CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc, T12/2024



Chưa rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **6,1** Triệu USD
 Tăng **226%** so với T11/2024
 Giảm **3%** so với T12/2023



Cà phê tan

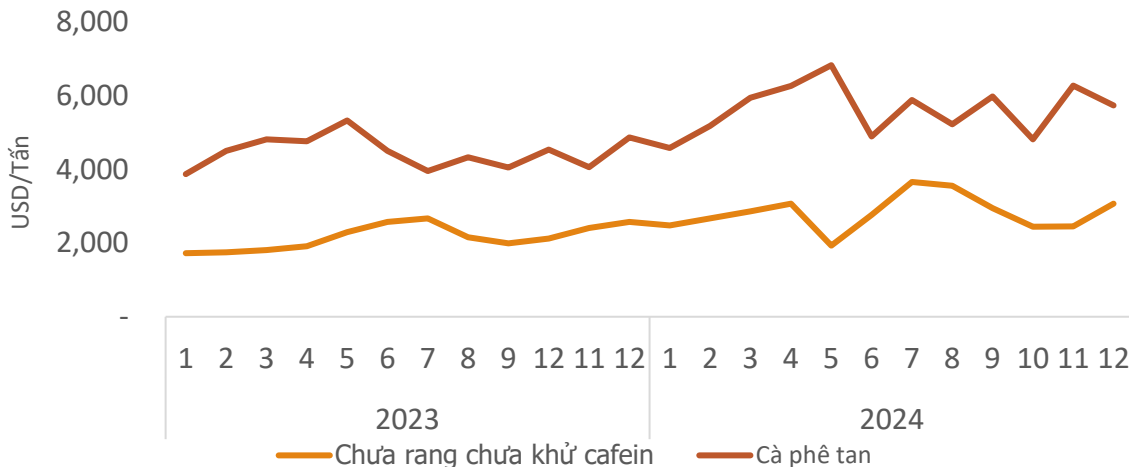
Kim ngạch: **24** Triệu USD
 Tăng **212%** so với T11/2024
 Tăng **340%** so với T12/2023



Đã rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **0,5** Triệu USD
 Giảm **12,1%** so với T11/2024
 Tăng **22,8%** so với T12/2023

Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang Trung Quốc, T12/2024



Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **5.740** USD/tấn, **giảm 8,6%** so với tháng trước, và **tăng 17,9%** so với cùng kỳ năm 2023.

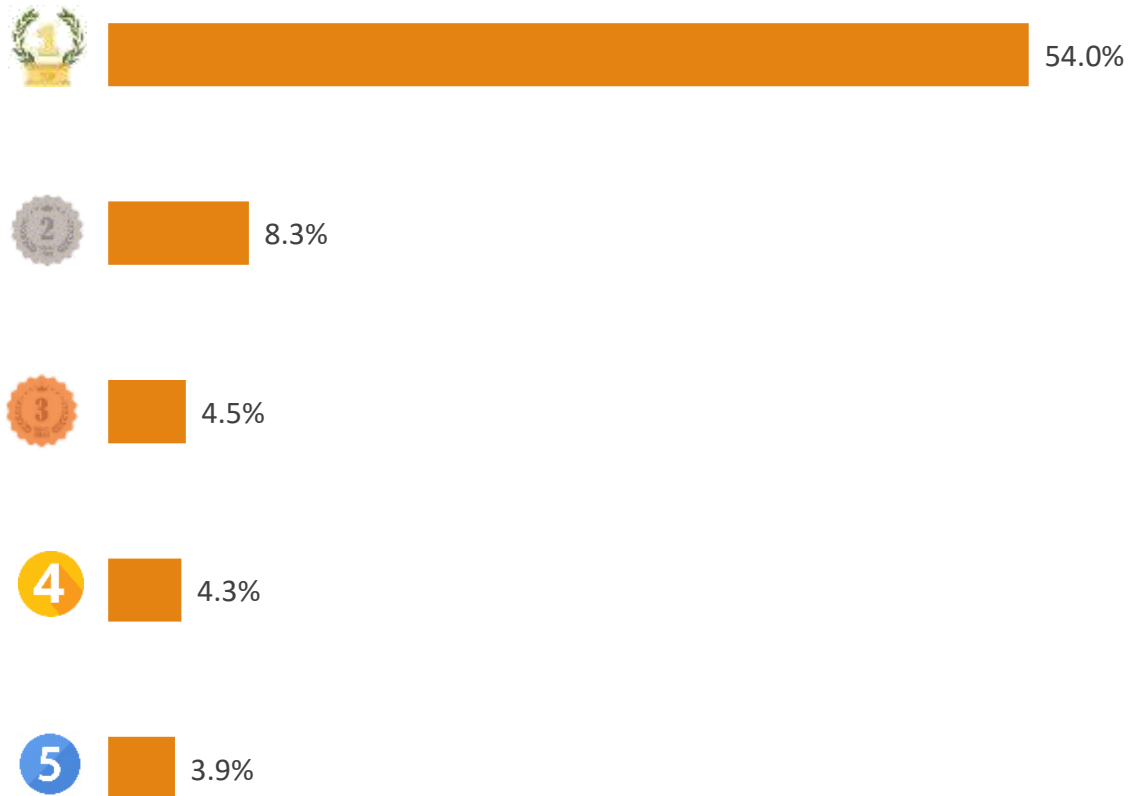
Cà phê chưa rang chưa khử caffein

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **3.073** USD/tấn, **tăng 25,4%** so với tháng trước; và **tăng 19,4%** so với cùng kỳ năm 2023.

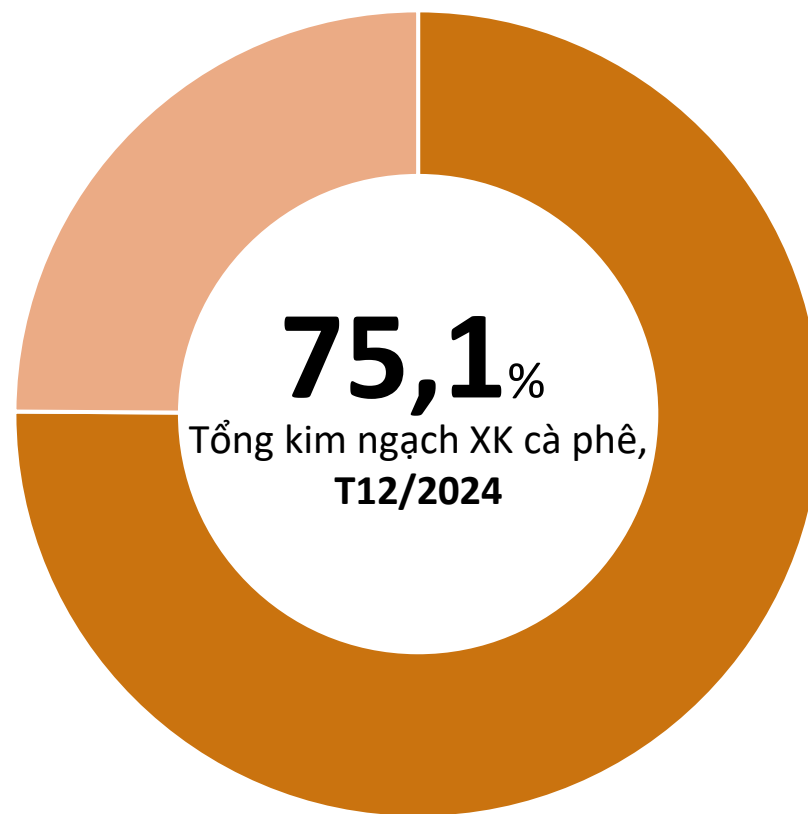


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc, T12/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc, T12/2024





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRUNG QUỐC



Vào tháng 6 năm 2024, Phó Tổng thống Brazil, ông Geraldo Alckmin, đã ký kết một thỏa thuận thương mại trị giá 500 triệu USD với Luckin Coffee, chuỗi cà phê lớn nhất Trung Quốc. Thỏa thuận này nhằm tăng cường xuất khẩu cà phê Brazil sang Trung Quốc, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng tại thị trường này. Đến tháng 11 năm 2024, Luckin Coffee tiếp tục ký một biên bản ghi nhớ với Brazil, cam kết mua 240.000 tấn cà phê nhân từ năm 2025 đến 2029, với tổng giá trị ước tính khoảng 2,5 tỷ USD. Sự hợp tác này không chỉ củng cố vị thế của Brazil như nhà cung cấp cà phê hàng đầu thế giới mà còn phản ánh xu hướng tiêu thụ cà phê ngày càng tăng tại Trung Quốc

Nguồn: Daily coffee(1/2025)



TIN LIÊN QUAN



CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG Cà PHÊ TRUNG QUỐC



Các trang trại cà phê trong chuỗi cung ứng của Nestlé và Starbucks tại tỉnh Vân Nam, Trung Quốc bị cáo buộc sử dụng lao động trẻ em và buộc công nhân làm việc quá giờ trong điều kiện lao động không an toàn. Nguyên nhân được cho là do hợp đồng trực tiếp giữa các công ty cà phê, các trang trại được chứng nhận và các nông trại nhỏ. Điều này dẫn đến việc hạt cà phê được sản xuất từ các nông trại nhỏ không được chứng nhận, không được kiểm soát chất lượng nhưng vẫn được bán ra thị trường như các sản phẩm đạt tiêu chuẩn về sản xuất có trách nhiệm. Cả Nestlé và Starbucks đều cam kết điều tra các cáo buộc này.

Nguồn: Daily coffee(1/2025)

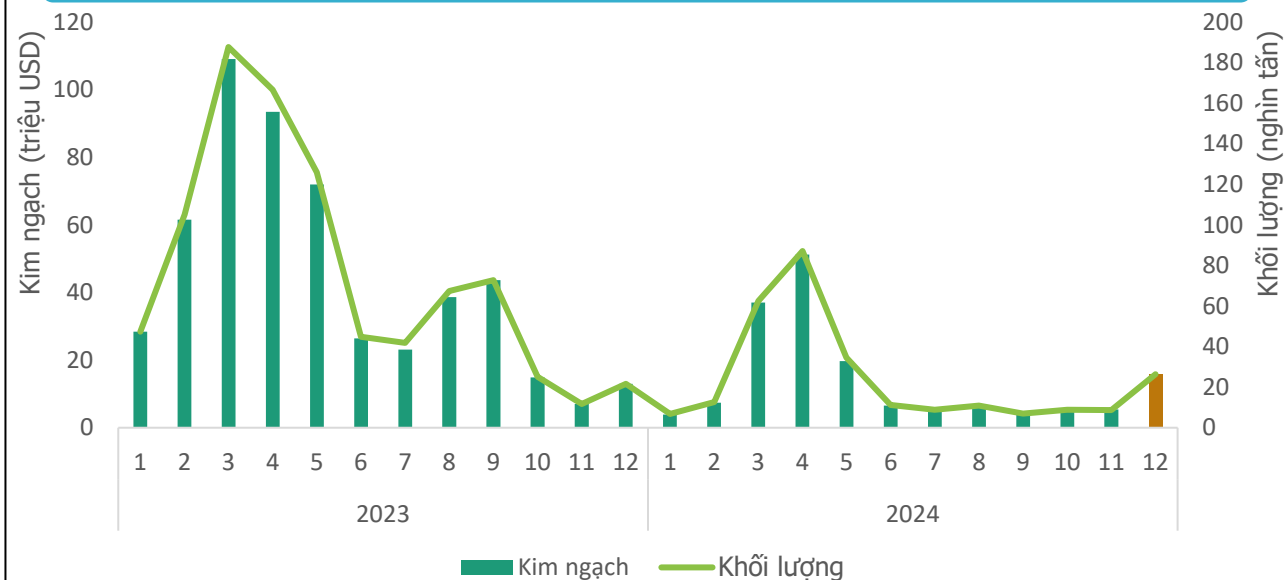


TIN LIÊN QUAN



LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH

15,9 triệu USD



↗ Tăng **194,3%** so với T11/2024

↗ Tăng **22,4%** so với T12/2023

↓ Thấp hơn **28,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế năm 2024 đạt **168,0** triệu USD, đạt **31,6%** kim ngạch 2023

KHỐI LƯỢNG

26,4 nghìn tấn



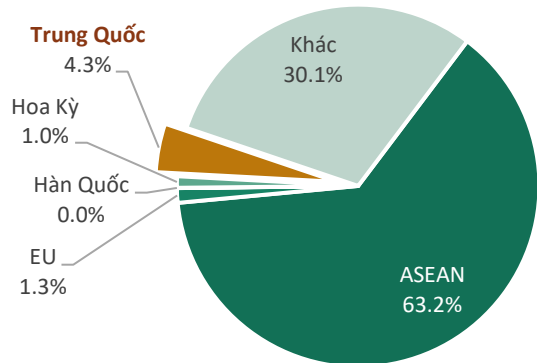
↗ Tăng **201,0%** so với T11/2024

↗ Tăng **22,3%** so với T12/2023

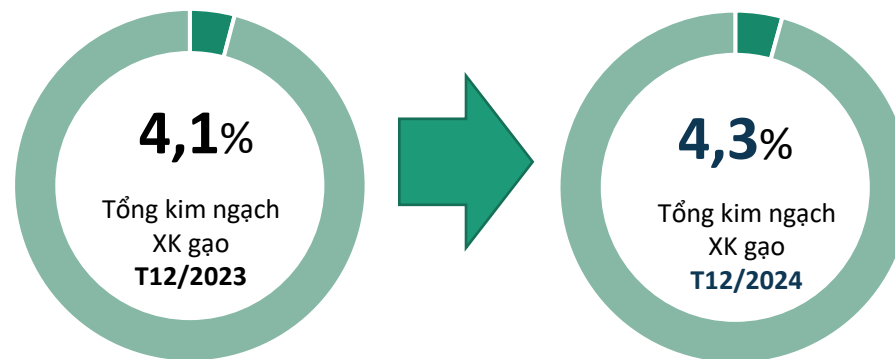
↓ Thấp hơn **50,1 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế năm 2024 đạt **285,5** nghìn tấn, đạt **31,1%** lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



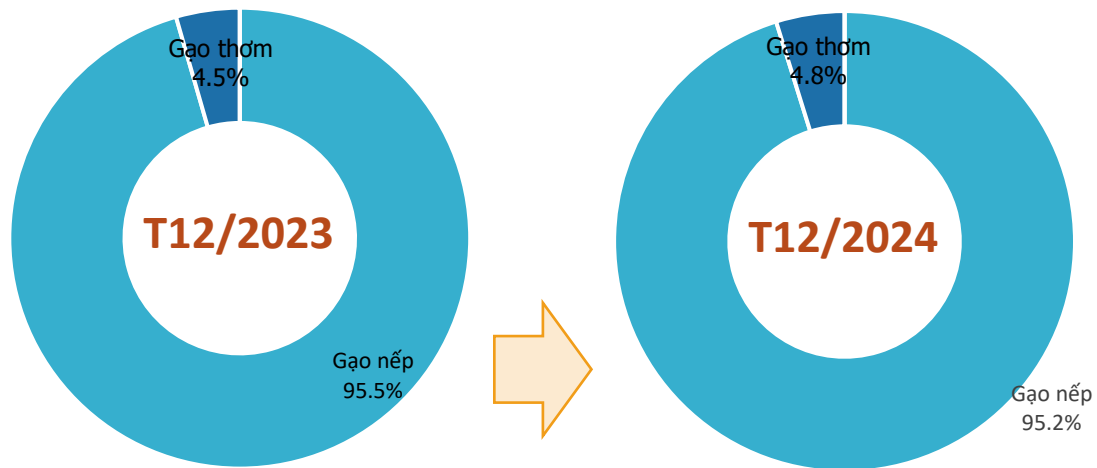
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



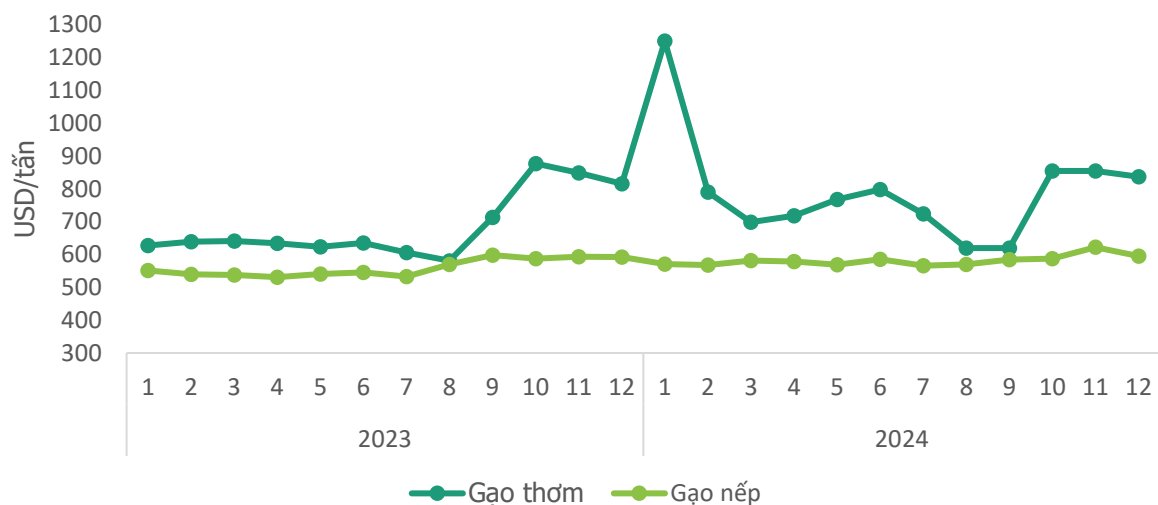


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Gạo nếp

Kim ngạch: **15,0** triệu USD
 Tăng **200%** so với T11/2024
 Tăng **21%** so với T12/2023

Gạo thơm

Kim ngạch: **0,8** triệu USD
 Tăng **N/A** so với T11/2024
 Tăng **31%** so với T12/2023

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **595** USD/tấn; **giảm 4%** so với tháng trước; và **tăng 1%** so với cùng kỳ năm 2023.

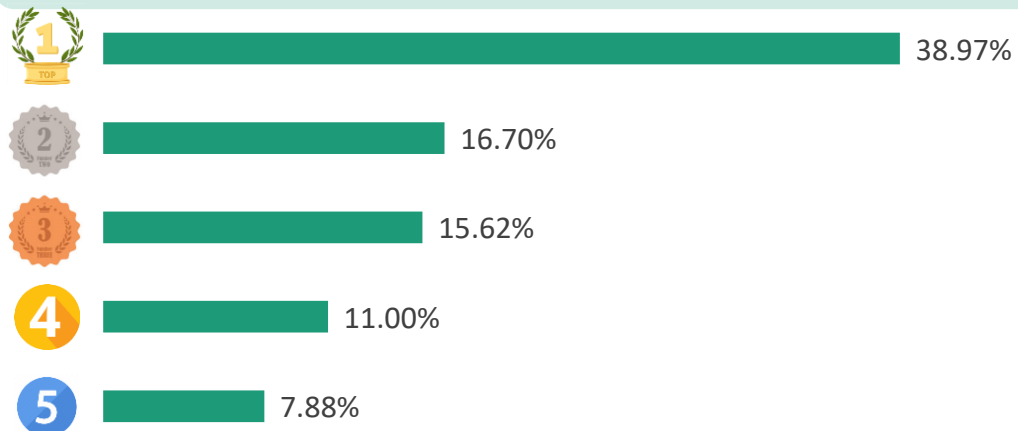
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **837** USD/tấn; **giảm 2%** so với tháng trước; và **tăng 3%** so với cùng kỳ năm 2023.

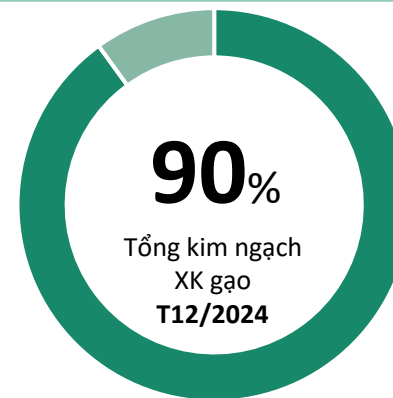


LÚA GẠO

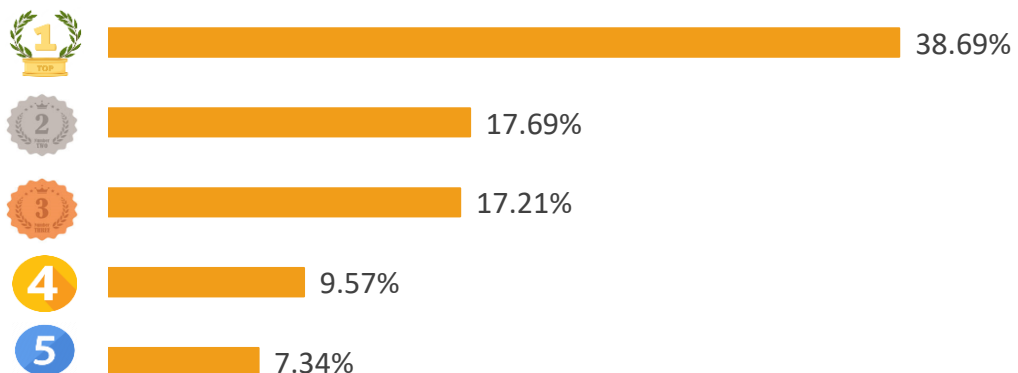
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



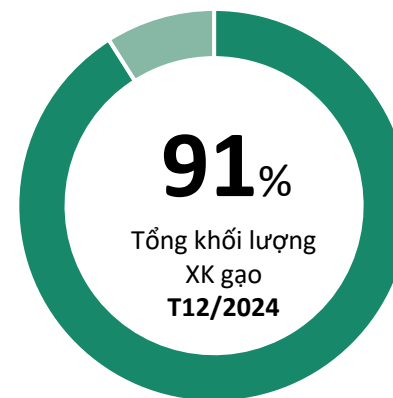
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T12/2024





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 12/2024, Trung Quốc đã nhập khẩu 380.000 tấn gạo, tăng 210.000 tấn so với tháng trước. Lũy kế cả năm 2024, Trung Quốc đã nhập khẩu tổng cộng 1,66 triệu tấn, giảm 37,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng 12/2024, Trung Quốc đã xuất khẩu 50.000 tấn gạo, giảm 60.000 tấn so với tháng trước. Lũy kế cả năm 2024, Trung Quốc đã xuất khẩu tổng cộng 1,11 triệu tấn, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: 163.com

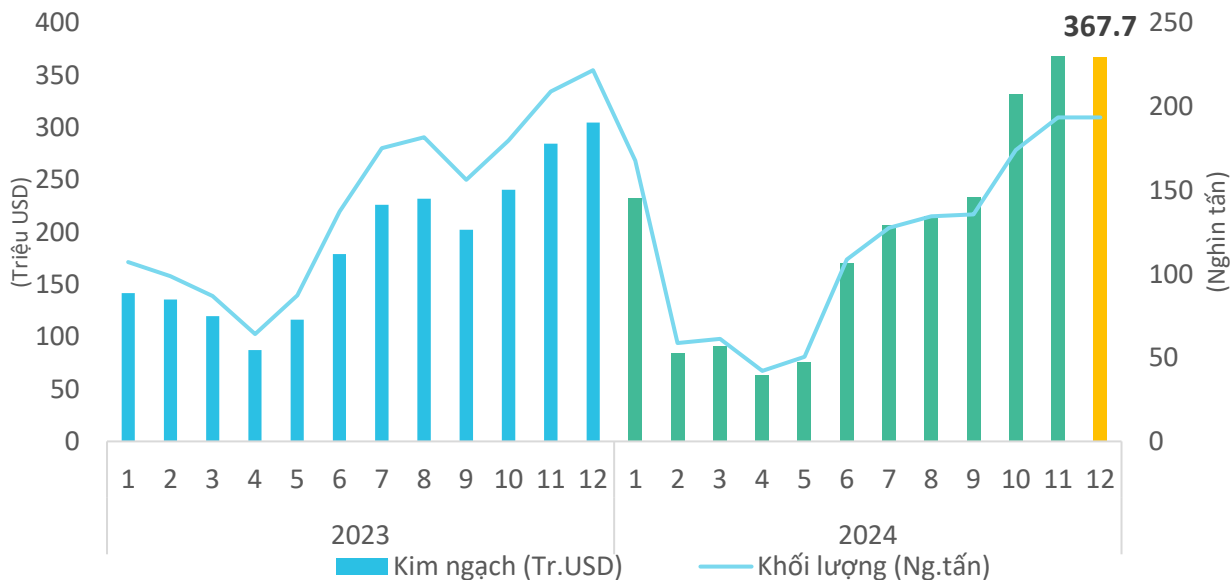


TIN LIÊN QUAN

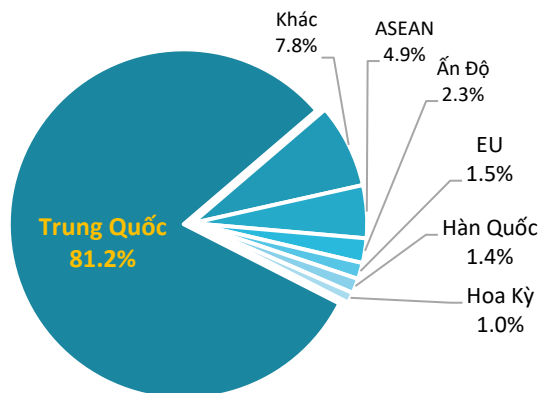


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T12/2024

KIM NGẠCH

367,7 triệu USD

↘ Giảm **0,3%** so với T11/2024

↗ Tăng **20,7%** so với T12/2023

↗ Cao hơn **178,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Năm 2024 đạt **2,44 tỷ USD**, đạt **107,6%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

193,6 nghìn tấn

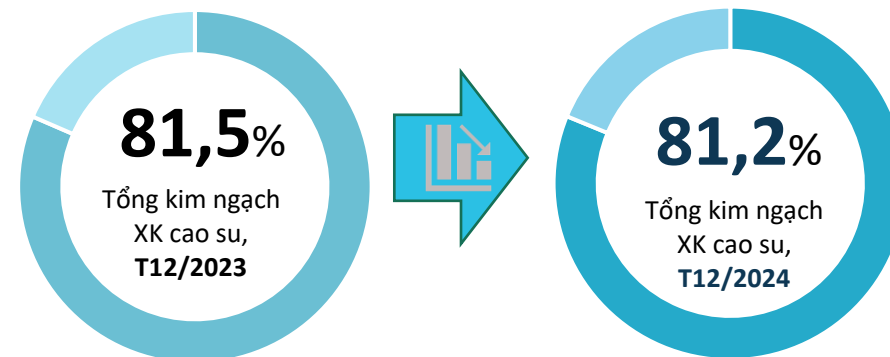
↗ Tăng **0,05%** so với T11/2024

↘ Giảm **12,7%** so với T12/2023

↗ Cao hơn **51,5 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Năm 2024 đạt **1,4 triệu tấn**, đạt **85%** khối lượng năm 2023

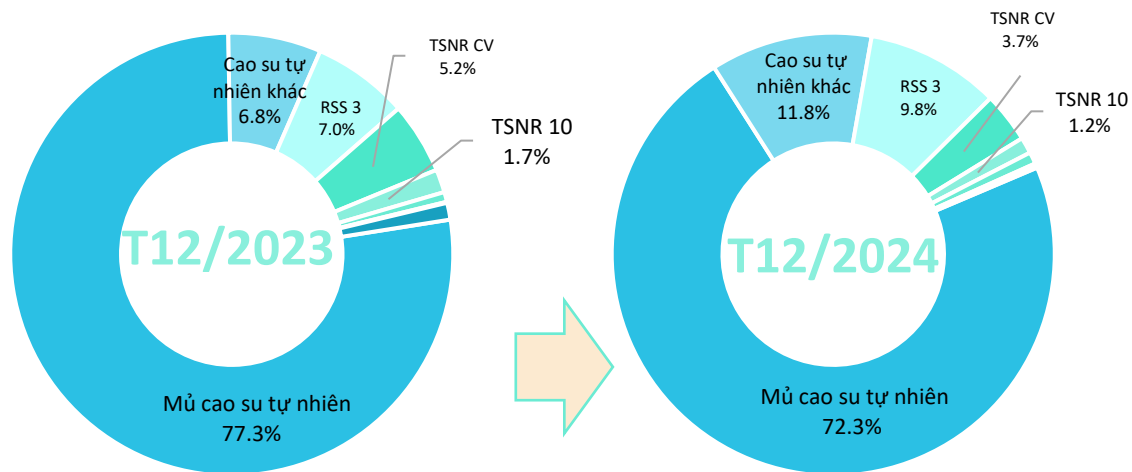
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T12/2024





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **266** triệu USD
Giảm **3,8%** so với T11/2024
Tăng **13%** so với T12/2023



RSS 3

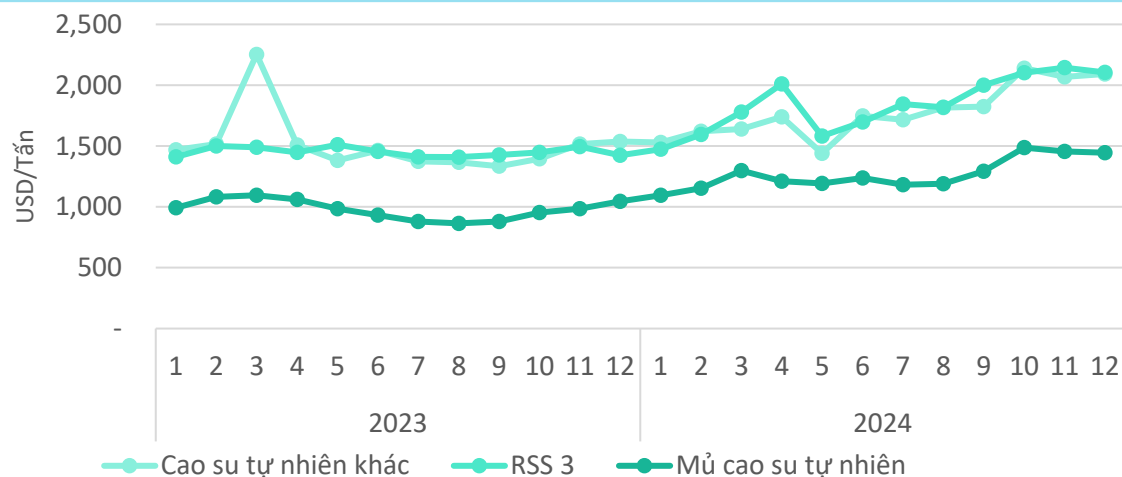
Kim ngạch: **36** triệu USD
Tăng **5,7%** so với T11/2024
Tăng **68%** so với T12/2023



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **43,5** triệu USD
Tăng **65%** so với T11/2024
Tăng **110%** so với T12/2023

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **1.445 USD/tấn**; giảm **0,7%** so với tháng trước; và tăng **38%** so với cùng kỳ năm 2023.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **2.105 USD/tấn**; giảm **1,8%** so với tháng trước; và tăng **50%** so với cùng kỳ năm 2023.

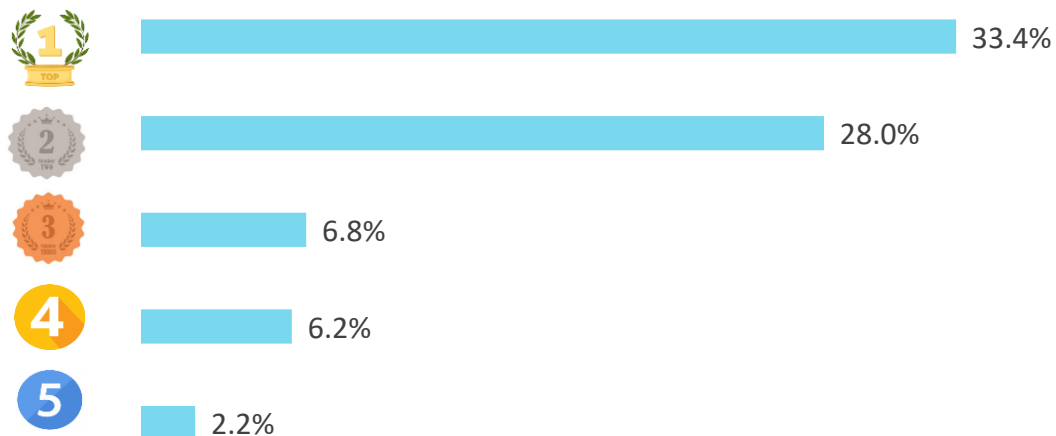
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T12/2024 ở mức **2.068 USD/tấn**; tăng **1,1%** so với tháng trước; và tăng **35%** so với cùng kỳ năm 2023.

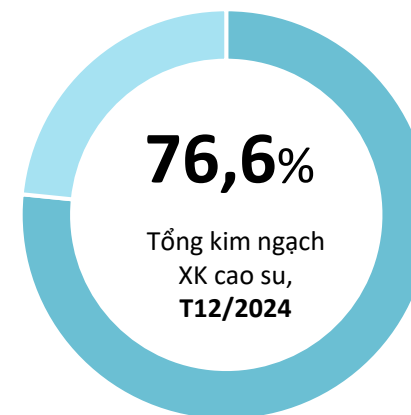


CAO SU

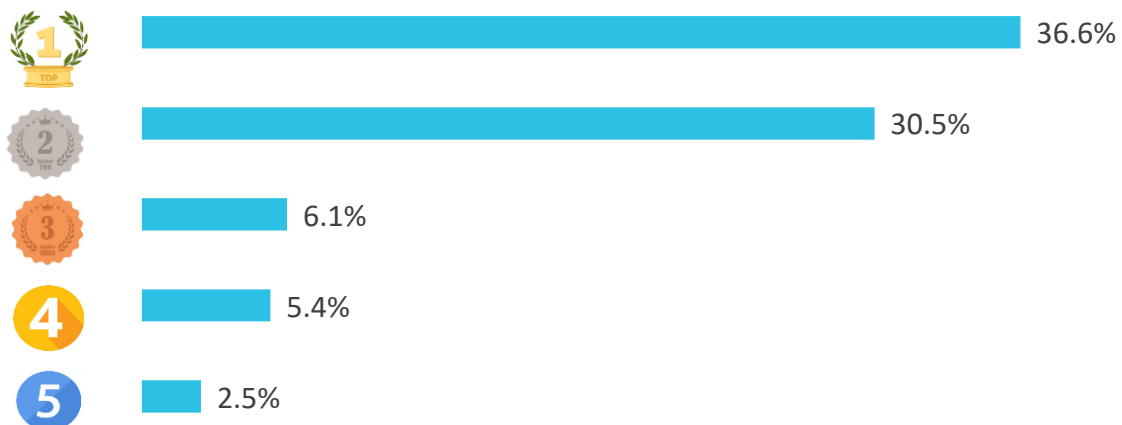
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



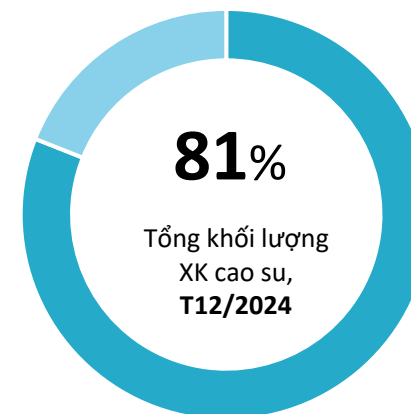
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T12/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T12/2024





❖ Về nguồn cung

Năm 2024, sản lượng cao su thiên nhiên của Trung Quốc đạt 922.000 tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 11 tháng năm 2024, tổng lượng cao su thiên nhiên nhập khẩu của Trung Quốc là 5,0191 triệu tấn, giảm 14,86% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2024, Thái Lan, Việt Nam và Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan tại khu vực trồng cao su chính, gây ảnh hưởng đến sản lượng khai thác trong mùa cao điểm. Tuy nhiên, dự báo năm 2025, điều kiện thời tiết sẽ thuận lợi hơn.

❖ Về nhu cầu

Sau tháng 11/2024, do chính sách đổi xe cũ lấy mới, nhu cầu lốp xe tại Trung Quốc tăng mạnh, kéo theo nhu cầu cao su thiên nhiên. Tuy nhiên, lượng cao su nhập khẩu cũng tăng nhanh do tác động từ việc hoãn thực thi quy định EUDR của EU. Thái Lan đã xuất khẩu 1,32 triệu tấn cao su hỗn hợp sang Trung Quốc trong năm 2024, và các nhà máy chế biến tại nước này đang chuyển hướng từ cao su tiêu chuẩn sang cao su hỗn hợp.



Tin liên quan

Ipsard

AGRO@INFO

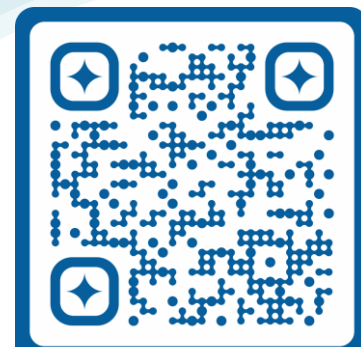
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo